

THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

QUYỂN 1 (PHẦN CUỐI)

Luận: “Hành khác sắc khác”, đến “chẳng phải giác tánh”.

Thuật rằng: Giác là xét biết, gọi chung là tâm và tâm sở. Ngoài pháp tâm sở ra, còn lại hành, ngoại xứ và vô biểu sắc cũng chẳng phải thật ngã, vì chẳng phải giác tánh, như hư không. Trong đây chỉ hợp chung thành một lượng, hành và sắc mỗi thứ riêng làm một lượng, lý cũng không ngại. Pháp của Nhân Minh là ngăn che pháp khác để Luận, như nói rằng chẳng phải giác tánh, chẳng phải nói như vậy để lật lại hiển tánh của tâm và tâm sở là giác tánh, cho nên chấp nhận là thật thể. Đây là gồm ngăn chấp, không hẳn là có chấp. Hợp chung bảy tỷ lượng để phá chấp ban đầu.

Luận: “Giữa lìa uẩn ngã”, đến “không có tác và thọ”.

Thuật rằng: Phá chấp của Tăng-khư. Lượng rằng: “Ngã bị chấp, lẽ ra không có tác và thọ, vì uẩn không nhiếp, như hư không v.v...”. Trong văn chỉ có tông và đồng dụ, nhân thì như chỗ nêu, cho nên lược không nói. Trong văn dùng một lượng phá chấp giữa, nay phá thêm nói: “Ngã bị chấp, lẽ ra chẳng phải thật ngã, vì không thuộc uẩn, như hư không v.v...”, dưới đây y theo mỗi việc nên suy nghĩ.

Luận: “Sau đều chẳng phải ngã”, đến “chẳng phải thật ngã”.

Thuật rằng: Phá các phái Độc tử bộ. Tông phái này chấp ngã cùng uẩn sở y không tức không lìa, nhưng có thể riêng thì chẳng phải thường và vô thường, như Luận Câu-xá quyển 29 nêu câu hỏi về nghĩa của chữ “y”, nay giải thích chữ y nghĩa là y chỉ, lập bày trên uẩn, vì chẳng phải lìa, sợ văn rườm rà nên không kể ra. Lượng rằng: “Ngã mà ông chấp, lẽ ra chẳng phải thật ngã”. Nhân nói rằng: “Chấp nhận nương vào uẩn mà lập phi tức là lìa uẩn, như bình, chậu v.v...”. Pháp trong đây nói lẽ ra chẳng phải thật ngã, phân biệt khác với bỏ bớt Chân như, Chân như nương uẩn cũng chẳng phải tức lìa, nhưng chẳng phải thật ngã cho nên không phải bất định. Lời văn trong nhân chấp nhận không tùy một lỗi,

các tông lần lượt định đúng nghĩa giải thích văn. Chấp bình chậu kia nương vào bốn trần uẩn mà lập, nhưng cùng với bốn trần chẳng tức chẳng lìa, cho nên lấy làm dụ.

Luận: “Lại nữa, đã không thể nói”, đến “là ngã chẳng phải ngã”.

Thuật rằng: Luận kia lập năm pháp tạng, ba đời, Vô vi và chẳng thể nói. Họ chấp ngã này chẳng phải thường, vô thường, không thể nói là Hữu vi hay Vô vi. Nay Luận chủ lấy ngã và phi ngã làm ví dụ, lẽ ra lập lượng rằng: “Ngã mà ông chấp, lẽ ra không thể gọi là ngã, vì chấp nhận không thể nói là Hữu vi hay Vô vi, như lông rùa v.v...”. Dùng hai tỷ lượng phá chấp thứ ba, hoặc phá câu (đồng thời), tông khác cũng nói ngã phi câu, không thể nói là ngã phi ngã, vì phạm lỗi tương phù. Lại, không có đồng dụ, nay phá ngã đó, gồm nói phi ngã, nhất định phải nói là uẩn, không nên nói phi uẩn. Lại nữa, lượng rằng: “Ngã mà ông chấp, đối với sự tụ tập nghĩa ngã và phi ngã, lẽ ra cũng không thể nói, vì chấp nhận không thể nói, như nghĩa Hữu vi, Vô vi”. Nay ý văn không khiến cho thuận theo nhập vào ngã câu hay phi ngã câu, cho nên không có lỗi.

Luận: “Cho nên sở chấp thật ngã kia không thành”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết, hợp mười tỷ lượng để phá ba chấp này.

Luận: “Lại nữa, các sở chấp”, đến “là vô tư lự”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ ba phá chung hai thứ chấp ngã khác nhau trên. Trong đó có bốn phần:

1. Phá có tư lự và không tư lự.
2. Phá có tác dụng và không tác dụng.
3. Phá ngã kiến cảnh và phi ngã kiến cảnh.
4. Phá ngã phi ngã kiến cảnh và ngã kiến bất duyên.

Nay hỏi chung chỗ chấp các ngã trước, nên nói là “các”. Có tư lự, là ý hỏi Tăng-khư, vì họ nói thể của thân ngã là tư. Vô tư lự, là ý hỏi Phệ-thế, nhưng chỗ chấp của Tăng-khư là thể tánh của thân ngã thường trụ, trừ tự tánh ra, còn hai mươi ba đế thể tánh tuy thường, nhưng vẫn có tướng chuyển biến vô thường. Nay vặn hỏi ngã của họ cũng phải đồng với thể tánh của hai mươi ba Đế kia cùng xứng với sự chuyển biến vô thường?

Luận: “Nếu có tư lự”, đến “có tư lự”.

Thuật rằng: Ngã thể của ông lẽ ra là chuyển biến vô thường, tác dụng hoặc có khi không khởi, hoặc không y theo dụng để vặn hỏi, kh-

iến cho thể cũng chuyển biến, tức là không có đồng dụ, họ không chấp nhận có diệt và vô thường. Hoặc hỏi thẳng về dụng, tư lự của họ có khi không khởi, cho nên phạm lỗi tương phù. Tuy thể của tự tánh là thường, dụng thì vô thường, không có lỗi bất định, vì chẳng phải cùng thừa nhận. Lại nữa, lấy thể so sánh với dụng thì lẽ ra cũng vô thường, tương tức cũng được.

Luận: “Hoặc không có tư lự” đến “cũng không thọ quả”.

Thuật rằng: Tức là phá Phệ-thế, vẫn rất dễ hiểu. Lượng rằng: “Thật ngã của các ông, lẽ ra không thể tác nghiệp, cũng không thể thọ quả, vì chấp nhận không có tư lự, cũng như hư không”. Tác nghiệp và thọ quả là hai tỷ lượng, tức là trừ chấp thân ngã của Tăng-khư ra, còn lại đều đồng với phá này.

Luận: “Cho nên sở chấp ngã, lý đều không thành”.

Thuật rằng: Tổng kết cả hai thứ.

Luận: “Lại, các sở chấp”, đến “là không có tác dụng”.

Thuật rằng: Lại trùng với song phá thứ hai nói trước, đây tức là câu hỏi quyết định.

Luận: “Hoặc có quyết định”, đến “lẽ ra là vô thường”.

Thuật rằng: Chỗ chấp tác và thọ của các sư đều là bất đồng. Nói theo tác dụng, tác và thọ tác dụng đều chấp là có. Hữu dụng, lượng rằng: “Ngã lẽ ra vô thường vì có tác dụng, như tay và chân”. Hoặc đối với Số Luận: Chuyển biến như tay v.v... Hoặc đối với Phệ-thế: Diệt hoại như chân, vẫn thế tuy hợp với nghĩa, nhưng ý thì không đồng. Hư không và Chân như, hai thứ này không có tác dụng cho nên chẳng có lỗi bất định.

Luận: “Hoặc không có tác dụng”, đến “cả hai đều bất thành”.

Thuật rằng: Không có một ngã nào mà không có tác và thọ dụng. Như Số Luận sư nói: Không có tác thì dụng cũng gọi là vô dụng, như động chuyển tác dụng, thế dụng tác dụng, Thắng Luận và Số Luận không có, vì nói mười câu. Ngã của Ly hệ tử v.v... có động chuyển, cho nên là môn trước, còn lại là môn sau. Lại nữa, các chỗ chấp khi đắc giải thoát, ngã đều không có dụng. Vô dụng, lượng rằng: “Ngã bị chấp, lẽ ra chẳng phải thật ngã, vì không có tác dụng”. Vẫn nói “chẳng phải thật ngã” mà chẳng nói “thật chẳng phải có” cho nên Chân như kia không có lỗi bất định. Hoặc thà là nói “thường, lạc, ngã, tịnh”, điều này chẳng quyết định là thật ngã, vì tánh lìa nói năng. Nói ngã là giả nói, cái vô dụng này chấp các chấp đều chẳng phải. Không có một sư nào chấp ngã vô dụng, nhưng phá cái dụng vô động tác và thế lực dụng, cho nên

dụng được làm câu hỏi. Hoặc dụng dựa vào nhau để phá tác và thọ, là ứng lượng rằng: “Ngã của Tăng-khư, lẽ ra chẳng phải thật ngã, vì chẳng những có dụng của tác giả, như hư không v.v... ngã của Phệ-thế, lẽ ra chẳng phải thật ngã, vì chẳng những có dụng của thọ giả, như sừng thỏ v.v...”. Trong đây ngăn không chỉ có dụng của thọ giả, chẳng chấp nhận chỉ có dụng của thọ giả là thật ngã, nếu không như vậy thì ngã của bản thức và Tăng-khư lẽ ra là thật ngã. Chỉ nói sừng thỏ chẳng những có dụng của thọ giả, mà không nói sừng thỏ có tác dụng và thọ dụng, cho nên ở đây không có lỗi, vì dùng Nhân Minh để ngăn môn giải thích. Văn kết dễ hiểu, cho nên không giải thích riêng.

Luận: “Lại, các sở chấp”, đến “cảnh sở duyên không có”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ ba, cũng nêu chung nội đạo và ngoại đạo nói ở trước.

Luận: “Hoặc phi ngã kiến”, đến “biết thật có ngã”.

Thuật rằng: Phá gốc chấp sở duyên của phi ngã kiến. Lượng rằng: “Ngã mà ông chấp, lẽ ra chẳng phải là ngã, vì chấp nhận sở duyên của phi ngã kiến, như sắc, thanh v.v...”. Lại nữa, lượng này có ý nói rằng: “Ông có thể duyên pháp tâm và tâm sở của ngã, lẽ ra không biết ngã, vì phi ngã kiến, như duyên theo các tâm khác”. Văn tuy không có chống chế, vì lý là nó, như pháp tâm và tâm sở duyên Chân như. Tuy không nhất định làm kiến giải Chân như, để được thành duyên như, tâm duyên ngã cũng đồng như kia. Tuy không cho là ngã, cũng đâu có ngại cho sự duyên ngã. Tâm duyên như, tuy không cho là như, Chân như vẫn gọi là như tâm duyên. Ngã kiến tuy không khởi kiến giải về ngã, ngã đó phải gọi là ngã kiến duyên, cho nên có kiến giải này để giúp phá lỗi kia.

Luận: “Hoặc là ngã kiến”, đến “nhận biết như thật”.

Thuật rằng: Phá ngã kia là sở duyên của ngã kiến. Lượng rằng: “duyên ngã và ngã kiến, lẽ ra chẳng phải đảo kiến và nhận biết như thật, vì thuận với sở duyên, như tâm duyên các sắc. Ngoại đạo và Tiểu thừa chấp có ngã, giáo mà họ kính tin đều chấp nhận ngã kiến, tuy thuận với sở duyên là thể diên đảo, dứt nó thì thành Thánh. Tâm vô ngã tuy không gọi là cảnh vì trái với nhiệm, nên gọi là phi diên đảo, như duyên chân tâm có khởi kiến giải về như thì là pháp chấp, hoặc không khởi kiến giải, tuy không gọi là như, nhưng vẫn là nhân để thành Thánh.

Luận: “Nếu thế thì sao”, đến “khen ngợi vô ngã”.

Thuật rằng: Nói chí giáo, tức là giáo lý rất chân thật. Trong Nhị Thập sao nói: “Nếu ông nói, ông cũng có ngã kiến chẳng phải diên đảo, vì sao trong giáo của ông, ngã kiến nhiệm cho nên đoạn nó để thành

Thánh? Nếu không có ngã kiến thì sẽ đắc Niết-bàn, cho nên hủy bỏ ngã kiến, khen ngợi vô ngã”. Đây là y cứ tông khác trái nhau làm câu hỏi.

Luận: “Nói vô ngã kiến”, đến “đắm chìm sinh tử”.

Thuật rằng: Tông của ông tự nói, người khởi ngã kiến đắm chìm sinh tử, vì là nhiễm. Khởi vô ngã kiến, sẽ chứng Niết-bàn, vì là tịnh. Nay đã có tông kia cho nên được thành câu hỏi.

Luận: “Há có tà kiến”, đến “đắm chìm sinh tử”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết câu hỏi, vô ngã kiến là tà sẽ chứng Niết-bàn, vì không thuận theo sở duyên. Ngã kiến là chánh, đắm chìm sinh tử, vì có thể thuận cảnh. Trong Luận Quảng Bách cũng khởi câu hỏi này.

Luận: “Lại nữa, các ngã kiến”, đến “nếu duyên các tâm khác”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ tư phá chung các sư trước, không cần nói riêng ý nhiễm tịnh, nhưng “kiến duyên ngã mà ông nói” bây giờ đã bị phá, không có lỗi tương phù. Lượng rằng: “Kiến duyên ngã của ông, không duyên với thật ngã”, là tông, “vì có sở duyên”, là nhân, “như tâm duyên ngã ngoại sắc v.v...”, là dụ, vẫn có thứ lớp như vậy nên biết. Nhưng ngay chấp kia đều có ngã kiến không duyên với ngã sinh. Như thuyết của Tăng-khư, tác giả ngã kiến của Phệ-thế-sử-ca, không duyên với thật ngã sinh khởi là chấp ngang bướng. Chấp tướng vọng khác y theo đây mà biết cũng như vậy, cho nên hiện tại tông này phải có phân biệt, các ông mỗi người nói riêng, không phải chấp kiến duyên ngã mới thành hữu pháp. Nay ý của Đại thừa muốn hiển bày chỉ là kiến duyên ngã, vì không duyên với thật ngã sinh khởi. Không cần phân riêng, đây là phá năng duyên không duyên mà ngã sinh khởi. Kế là phá sở duyên quyết định chẳng phải thật ngã.

Luận: “Sở duyên của ngã kiến”, đến “như pháp khác”.

Thuật rằng: Trong đây lượng rằng: “Sở duyên của ngã kiến quyết định chẳng phải thật ngã” (tông), “vì là sở duyên” (nhân), “cũng như sở sắc duyên các pháp” (dụ). Trong tông như trước cũng phải phân biệt, các sư kia đều chấp có ngã thấy cảnh đều chẳng phải thật ngã.

Luận: “Do đó ngã kiến”, đến “các thứ so lường”.

Thuật rằng: Đây là đoạn kết. Như Du-già, Hiển Dương, Thập Lục Đại Luận, đều duyên ảnh tượng Tướng phần của tự tâm làm Sở duyên duyên, vì không có một ngã nào là Tướng phần. Đó chỉ duyên với uẩn do thức biến, vì uẩn đều khác, cho nên nói “các uẩn”, đây là chấp các thứ suy lường của uẩn này, cho nên có khác với chỗ thuyết của Tiểu thừa.

Luận: “Nhưng các chấp ngã lược có hai thứ”.

Thuật rằng: Trong sự phá ngã, từ đây trở xuống phần thứ tư, giải thích chấp phân biệt câu sinh kia, hoặc chia làm ba phần thì đây là phần thứ hai. Trong đó có hai phần:

1. Giải thích riêng hai chấp.

2. Từ câu “nói tất cả chấp ngã như vậy v.v...” trở xuống, là giải thích chung hai thứ chấp.

Trong phần đầu lại có ba đoạn:

1. Nêu ra số chấp.

2. Nêu lên tên chấp.

3. Giải thích riêng.

Đây là phần đầu. Nêu chung có hai loại, các môn trong đây như Biệt chương nói: “Là mê Đế chung và riêng, các thức hữu và vô, vị thứ của phục và đoạn, thuộc về chín phẩm, phục và bất phục, hai chấp nhân và pháp ở giai vị đã dứt thô và tế”. Hai mươi câu của phân biệt câu sinh, tất cả chia riêng, như sau sẽ biết. Tuy một hữu tình không có hai mươi câu, nhưng nói pháp giới thì cũng có thể có. Nói chấp ngã, là hiển bày không chỉ có kiến chấp, mà pháp tâm và tâm sở cũng đều gọi là chấp.

Luận: “Một là câu sinh, hai là phân biệt”.

Thuật rằng: Đây là nêu lên sự sai biệt cùng khởi với thân gọi là câu sinh, sau đó chấp ngang trái sinh ra gọi là phân biệt khởi. Sau sẽ giải thích riêng.

Luận: “Câu sinh chấp ngã”, đến “cho nên gọi là câu sinh”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là giải thích riêng. Trước giải thích câu sinh, sau giải thích phân biệt. Trong phần đầu có ba đoạn:

1. Giải thích nghĩa câu sinh.

2. Hiển bày sự sai biệt của nó.

3. Nói về vị và đoạn.

Chỉ dựa vào chủng tử bên trong mà khởi, khác với duyên phân biệt. Thường chung với thân, giải thích nghĩa chữ câu mà nói chuyển, giải thích nghĩa chữ sinh, vẫn còn lại để hiểu.

Luận: “Đây lại có hai thứ”, đến “chấp làm thật ngã”.

Thuật rằng: Trên đây là giải thích chung về câu sinh, dưới đây giải thích riêng sự khác nhau. Thường nối tiếp, là hiển bày nghĩa hằng khởi. Ở Thức thứ bảy, hiển bày chỗ dựa của chấp, duyên Thức thứ tám, là hiển bày cảnh sở duyên, khởi lên tướng của tự tâm, là hiển bày duyên của Thức thứ tám không gần với đấm nhiễm. Chấp làm thật ngã, vì không xứng với cảnh và tri cho nên chấp sinh ra, chưa đắc Vô lậu.

Trong Thức thứ bảy, chấp ngã hằng khởi, gọi là thường nối tiếp, các duyên hằng đủ, chẳng giống chấp trong Ý thức thứ sáu.

Hỏi: Vì sao nối tiếp chỉ ở Thức thứ bảy?

Đáp: Lược có hai nghĩa. Một là ít duyên, như nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, Thức thứ bảy, thứ tám, hoặc có chín duyên, tám duyên, bảy duyên, năm duyên, bốn duyên, ba duyên, hoặc thêm duyên Đẳng vô gián và cùng có tăng thượng, tức là càng tăng thêm, vì chỗ nương dựa ít duyên. Thức thứ bảy hằng nối tiếp chấp ngã không có gì khác, bản chất của Thức thứ bảy này là lấy Thức thứ tám làm cảnh, vì giống như thường nhất, giống như tướng của thật ngã, cho nên duyên Thức thứ bảy, thứ tám chấp ngã hằng hiện hành. Trong tướng của ảnh tượng cũng không có thật ngã, chỉ tướng tự thứ tám, là tướng tự tâm của Thức thứ bảy. Hoặc từ kiến mà nói là nhiễm Vô ký, hoặc từ gốc mà nói là tịnh Vô ký. Vì chấp nhận nhiễm và tịnh cho nên làm chỗ cho tạp chủng sinh khởi. Chấp tướng mà tự tâm này biến hiện cho là thường nhất, vì không xứng với cảnh nên gọi là chấp. Không xứng với bản chất nên gọi là chấp thì năm thức cũng nên gọi là hữu chấp. Đây là y theo ảnh tượng, dựa vào cái khác làm tướng, hoặc y theo chỗ chấp, trong khi tình hiển bày cũng gọi là tướng duyên Thức thứ tám, tức là bản chất. Trở xuống so sánh với đây sẽ biết tướng cũng có hai.

Luận: “Hai có gián đoạn”, đến “chấp là thật ngã”.

Thuật rằng: Tại Thức thứ sáu hiển bày ngay chỗ chấp. Hành tướng của Thức thứ sáu sâu xa cũng bị gián đoạn, Thức thứ bảy sâu mà không gián đoạn, năm thức gián đoạn mà không sâu, Thức thứ tám không sâu mà không gián đoạn, cho nên chấp ngã này chỉ ở trong Thức thứ sáu.

Năm thủ uẩn, nêu rõ cảnh của câu sinh ngã kiến này không duyên với Vô lậu. Trong Tát-bà-đa ghi: “Tất cả phiền não đều gọi là thủ, uẩn từ thủ mà sinh, hoặc có thể sinh thủ, nên gọi là thủ uẩn”. Nay Đại thừa, như Luận Đối Pháp ghi: “Dục tham gọi là thủ, nhưng tham làm thể, nhiễm mong năm uẩn, uẩn có thể sinh thủ, uẩn từ thủ sinh, uẩn đặt tên là thủ, duyên uẩn chung và riêng hiển bày hành tướng chấp”. Duyên chung năm uẩn làm ngã gọi là chung, duyên riêng năm uẩn làm ngã gọi là riêng, chẳng phải hai mươi câu biệt ngã kiến, hai mươi câu kiến chỉ có phân biệt. Trong Thức thứ bảy, chỉ duyên riêng thức uẩn, hành tướng thường định một loại ngã kiến, không thể nói về chung và riêng này, cho nên khác với đây. Thức thứ bảy chỉ nương Thức thứ tám làm tướng, nêu bản chất của nó mà nói, là khởi tướng của tự tâm. Chỗ nói tướng của năm thủ uẩn trong đây hoặc chung hoặc riêng, là bản chất của Thức

thứ sáu khởi tướng của tự tâm, là tướng của ảnh tượng.

Lại nữa, bản chất của Thức thứ sáu, không nhất định một pháp nào cho nên không nói riêng, thật ra cũng có bản chất, là câu sinh, cho nên chỗ nói năm thủ uẩn này đều khởi lên ảnh tượng.

Luận: “Hai chấp ngã này”, đến “mới có thể trừ diệt”.

Thuật rằng: Đoạn văn thứ ba là hiển bày chấp vi tế, trình bày đoạn ngay tại chỗ thể tướng ẩn núp sâu kín tập quen từ vô thủy, cho nên Thập Địa ghi: “Xa vì tùy hiện hành, vì không khởi ý duyên, đó là nghĩa câu sinh, nên gọi là vi tế”. Một chẳng phải thế đạo nắp phục, hai chẳng phải sơ đạo đoạn dứt. Sơ đạo đoạn tức là Kiến đạo đoạn, ba thứ phi địa chưa tu đầy đủ đạo năng đoạn, phải đến thắng đạo thứ chín mới đoạn, cho nên nói khó đoạn. Trước hết bỏ bớt tu đạo không tương ứng với hoặc, kế đó phân biệt tất cả Kiến đạo, sau cùng là hiển bày hành tướng của mình tế nhị, thắng đạo mới trừ, cho nên chỉ có tu đoạn. Một là thức phân biệt, niệm của Thức thứ sáu đoạn chẳng phải Thức thứ bảy. Hai là thừa phân biệt, Thức thứ sáu Nhị thừa thường đoạn, chẳng phải Bồ-tát đoạn trong Thức thứ sáu. Ba là tập phân biệt, nếu Bồ-tát thường đoạn thì tập chẳng phải chủng tử, hoặc chủng tử Nhị thừa thường đoạn thì chẳng phải tập. Không thường đoạn thì đạo thường thường tu. Nếu thường đoạn thì đoạn đạo đều thường. Trong Nhị thừa thì dần dần tu hành cho nên chỉ tu đoạn, hoặc người đốn ngộ cũng có cả kiến đạo, trước hết là đạo thế gian đã tạm nắp phục. Bồ-tát thì không như thế, không chướng địa, không siêu vượt, nhưng sơ quả và nhị quả không thể đoạn, vì là phẩm thứ chín của Hữu phú vô ký. Đoạn có hai thứ: một là đoạn chủng, hai là phục diệt. Nay nói đoạn chủng trong Thức thứ sáu, Nhị thừa nhập Thánh đạo tạm thời phục diệt, phải lìa khỏi tự địa và dục hết mới dứt, đối với tâm Kim cương mới hết rốt ráo. Bồ-tát Sơ địa tạm có thể phục diệt, Địa thứ tư thì không bao giờ hiện hành, địa vị tâm Kim cương mới hết rốt ráo. Trong Thức thứ bảy, Nhị thừa nhập tâm Vô lậu mới tạm phục diệt, tâm Kim cương mới dứt hết. Bồ-tát từ Địa thứ bảy trở xuống, nhập tâm Vô lậu có thể phục diệt, Địa thứ tám trở lên mới không bao giờ hiện hành, tâm Kim cương mới dứt hết nhanh chóng, cho nên nói thường thường tu đạo mới trừ đoạn được. Lại nói chung Thức thứ sáu và Thức thứ bảy, đạo thường thường tu, đoạn nghĩa là thường thường và không thường thường. Nhị thừa dứt Thức thứ sáu kia chấp chủng tử chẳng phải tập, có thể thường thường đoạn. Bồ-tát thường thường đoạn thô trọng gọi là thường thường đoạn các chủng tử của nó. Đạo thường thường tu, chẳng phải đoạn thường thường, vì trong Thập địa đều không đoạn. Thức thứ

bảy chấp phải là tâm Kim cương mới đoạn được nhanh chóng. Ba thừa tu đạo, đạo thường thường tu mới trừ diệt được, chẳng phải thường thường đoạn, hành vi của hai chấp trong đây là nhỏ nhiệm. Vì sao ba tâm ban đầu đoạn dứt gọi là tế? Nếu nói theo phẩm loại thô tế thì đoạn đầu là thô, nói theo sự khó dễ thô tế thì trước đoạn là tế. Phẩm loại nói trong đây, tu đạo hạ phẩm gọi là tế, vì ba tâm y theo sự khó dễ, sơ đoạn gọi là tế cũng không trái nghịch. Lấy cội của phẩm thứ chín đoạn gọi là tế, vì phẩm loại tế. Có cái khó đoạn không gọi là tế, tức là phẩm thứ hai thứ ba trong ba tâm. Có cái gọi là tế nhưng chẳng khó đoạn, tức là sơ phẩm và trung phẩm trong ba tâm. Có cái gọi là tế nhưng cũng khó đoạn, như hạ hạ phẩm trong chín phẩm. Chỗ nói về hai chấp ngã trong đây, ba tâm y theo sự khó dễ để phân thô tế, chín phẩm thì y theo hành tướng để phân lý thô tế không trái nhau. Đây là hiển bày chỗ bị đoạn để làm hai câu giải thích. Lại dùng năng trị và sở trị để phân thô tế. Theo hành tướng sở trị trong chín phẩm gọi là tế, theo hành tướng của năng trị trong ba phẩm gọi là tế, cũng không trái nhau. Nhưng nói sinh không đoạn thì một là chung cho ba Thừa, hai là nói theo hành tướng. Thật ra, Bồ-tát cũng là Pháp không đoạn. Thắng sinh không là phân biệt khác với Hữu lậu và tâm Du quán sinh không, dứt nó không được. Đây là nói Vô gián chẳng phải Giải thoát đạo.

Luận: “Phân biệt chấp ngã”, đến “nên gọi là phân biệt”.

Thuật rằng: Đây là giải thích phân biệt, văn cũng có ba đoạn: duyên bên trong phải nương dựa, nhờ cả duyên bên ngoài, cho nên đối với duyên bên ngoài nói cũng không cùng với thân đến nay. Hiển bày Dị câu sinh, “phải chờ” trở xuống là hiển bày nghĩa phân biệt. Nói phân biệt là tà giáo phân biệt và tà tư phân biệt, một sự phân biệt mà nói cả hai nơi.

Từ đây trở xuống giải thích riêng về chấp phân biệt, các văn khác rất dễ hiểu.

Luận: “Chỉ có trong Ý thức thứ sáu”.

Thuật rằng: Hiển bày ngay chỗ chấp gián đoạn và thô bạo, cho nên có chấp này, các thức khác thì cạn nhỏ và nối tiếp, không thể chấp ngang dấy khởi tà phân biệt, tà phân biệt thì chắc chắn có gián đoạn và thô bạo. Vì Thức thứ tám cạn mà không gián đoạn, năm thức gián đoạn mà lại cạn, Thức thứ bảy cả hai đều không có, cho nên chỉ ở Thức thứ sáu.

Luận: “Đây cũng có hai thứ”, đến “chấp làm thật ngã”.

Thuật rằng: Thứ nhất là tức uẩn chấp ngã. Hai mươi câu v.v... tự

tâm tướng v.v... như trước có hai giải thích.

Luận: Hai duyên tà giáo cho đến chấp là thật ngã.

Thuật rằng: Lìa uẩn chấp ngã nghĩa khác như trước. Thuộc về Chúng đồng phân trong tướng do tâm biến ra. Tùy theo chỗ đáp ứng, là nương vào pháp nào mà biến? Hoặc lấy danh và giáo làm bản chất mà khởi lên tướng của tự tâm, hai lớp như trước. Không nói tướng chung và riêng của hai cảnh, như Xu Yếu giải thích.

Luận: “Hai chấp ngã này”, đến “tức có thể trừ diệt”.

Thuật rằng: Hiển bày chỗ tướng chấp thô bị đoạn diệt, vì trái với Kiến đạo, cho nên đạo sinh thì liền diệt, là lý do tướng trong Kiến đạo không diệt, cho nên Luận nói là “ban đầu”. Lại, trong chân kiến có Giải thoát vô gián, Vô gián đạo đoạn. Dị giải thoát gọi là sơ, đây là nương vào chủng tử. Lại, Giải thoát đạo có thể đoạn thô trọng, cũng gọi là sơ, đây là y theo một tâm. Nếu y theo ba tâm, so với pháp chấp mà nói, tuy có ba phẩm bị đoạn, đối với sự cấu sinh gọi chung là thô. Hành tướng mạnh bạo gọi là thô, Thánh đạo phần đầu trừ được gọi là để đoạn. Ở đây dựa vào Nhị thừa và thuyết hành tướng mà nói sinh không đoạn, Bồ-tát cũng dùng Pháp không đoạn.

Luận: “Nói như vậy”, đến “hoặc có hoặc không”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống phần thứ hai là giải thích chung hai chấp, nói chung về hữu và vô của bản chất. Trong đó có hai đoạn:

1. Giải thích chỗ nương hữu và vô.

2. “Các uẩn tướng” trở xuống là giải thích về uẩn và ngã có hay không. Gồm có ba giải thích:

1. Thức thứ sáu và Thức thứ bảy có hay không.

2. Tu và kiến có hay không.

3. Tức và lìa có hay không.

Tùy theo nghĩa đáng nói, từ thô đến tế xoay vần chọn ra, tức là người khác và mình làm bản chất, đều thuộc ở đây. Duyên năng duyên không dính mắc, đều gọi là ngoài tâm. Thức thứ bảy chấp chỉ có ngã ngoài tâm, Thức thứ sáu chấp uẩn của ngã ngoài tâm, hoặc không có, như phái Phệ-thế... nói. Ngã không có uẩn để nương nên nói là không có, cấu sinh thì quyết định có. Phân biệt hoặc không có, tức uẩn chấp bản chất của ngã là có, lìa uẩn chấp bản chất của ngã là không.

Luận: “Tự tâm nội uẩn tất cả đều có”.

Thuật rằng: Gần gũi sở duyên, bất Luận tức và ly chấp làm ngã, ảnh tượng chắc chắn có, cho nên không có chút pháp giữ lấy chút pháp, chỉ có tự tâm giữ lấy tự tâm nên đều là duyên uẩn. Trên đây là nói

chung về sở y của ngã.

Luận: “Cho nên chấp ngã”, đến “vọng chấp làm ngã”.

Thuật rằng: Kết thành nghĩa trước, Tướng phần của ảnh tượng chắc chắn là uẩn, duyên theo đây làm ngã, nghĩa hiển thân duyên của Đại thừa, vô tâm thì bất sinh, trở thành Sở duyên duyên thì chắc chắn là có pháp.

Luận: “Nhưng các uẩn tướng”, đến “quyết định chẳng phải có”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai giải thích ngã tương đối trong nội tâm có hay không, vì tướng bên trong nương vào duyên khác sinh cho nên có, cảnh ngoài chấp ngang trái cho nên quyết định là không.

Luận: “Cho nên khế kinh nói”, đến “năm thủ uẩn đầy khởi”.

Thuật rằng: Sự rằng nghĩa không có lý do, dẫn kinh chứng minh có tướng trong nội tâm. Nói Sa-môn, nghĩa là dứt ác. Bà-la-môn, nghĩa là chủng tử tịnh hạnh, là một họ trong bốn họ, bình đẳng với ba họ khác, hoặc giống loài khác như trời, hoặc ma, hoặc Phạm, các loài này đều khởi ngã kiến chấp người, tất cả ngã kiến là tuệ năng chấp, năm thủ uẩn khởi, cảnh chấp, vẫn còn lại để hiểu.

Luận: “Thật ngã hoặc không có”, đến “các việc ân oán”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ năm giả lập ngoài cảnh, giải thích các vấn đề. Hoặc ba đoạn, văn thứ ba, trong đây hỏi rằng: “Nếu không có thật ngã thì ai sẽ ghi nhớ việc đã từng làm, cũng có thể hiểu rõ tất cả cảnh giới, tụng trì kinh sách, ôn tập văn sử, làm ơn cứu giúp người kia, kết oán làm hại người này, tham ái háo tài, sân nộ với người và vật?” Ngã của Độc tử bộ cũng có thể ghi nhớ, cùng ngoại đạo hỏi chung, phải lập lượng rằng: “Tất cả hữu tình lẽ ra không nhớ biết các việc thì không có ngã, như hư không. Sau biện Luận chỗ chống chế của ngoại đạo có ba câu hỏi đáp, đoạn văn đầu có năm, văn tướng rất dễ hiểu. Trong câu đáp, ban đầu Luận chủ đều từ chối chất vấn.

Luận: “Thật ngã sở chấp”, đến “là sự chẳng phải có”.

Thuật rằng: Lại như minh tánh, khi chưa biến thành các đại v.v... thì ngã chưa thọ dụng cảnh, sau các đại sinh thì ngã mới thọ dụng. Trước không có việc đó, không có thọ dụng cảnh, sau có việc đó có thọ dụng cảnh, hoặc dùng thường phá nó. Lượng rằng: “Thật ngã của ông sau khi khởi thọ dụng lẽ ra cũng không khởi dụng nữa, vì từ trước đến sau thể không có khác, cũng như thời gian trước, tức là vấn đề ngã thể có bị biến đổi.

Luận: “Trước phải như sau”, đến “thể không có khác”.

Thuật rằng: Trong đây trình bày chấp so với trước có thể biết. Lượng rằng: “Thật ngã của ông trước khi không thọ dụng sự thì lẽ ra đã có thọ dụng sự, tức là thể sau, như thời gian và vị trí sau, vì thể sau và trước không khác nhau”. Chung với trước sau là nhân của hai câu hỏi. Kế là sự chống chế của người ngoài.

Luận: “Hoặc nói rằng ngã dụng”, đến “lý cũng không đúng”.

Thuật rằng: Đây là nhắc lại chấp sai, kế đó là nói phi lý.

Luận: “Dụng không lia thể”, đến “lẽ ra là phi thường”.

Thuật rằng: Trong đây có hai câu hỏi, thể và dụng so sánh nhau. Lượng rằng: “Dụng lẽ ra thường có, vì chấp nhận không lia thể, vì như thể, thể lẽ ra chẳng thường có, vì chấp nhận không lia dụng, y như dụng”. Người ngoài chấp thể không lia dụng, cho nên làm nhân này.

Luận: “Nhưng các hữu tình”, đến “chẳng phải đối với tông của ta”.

Thuật rằng: Do Thức thứ tám và tất cả pháp làm duyên lẫn nhau sức huân tập xưa, có nhớ biết các việc cho nên không mất. Lại làm nhân lẫn nhau, ẩn trong năng nhiếp và sở nhiếp. Nghĩa hiển bày trước đã tạo tác huân tập chủng tử trong bản thức, sau theo bản thức sinh ra các thức khởi nhớ niệm v.v... sau sẽ nói rộng hơn.

Luận: “Nếu không có thật ngã”, đến “thì ai thọ quả này”.

Thuật rằng: Đây là đoạn hai, văn có ba phần, nêu câu hỏi của người ngoài. Nếu không có thật ngã thì không có thật tác và thọ, đã không có tác và thọ thì pháp thể lẽ ra không có, phải lập lượng rằng: “Tất cả hữu tình, lẽ ra không có tác và thọ vì không có ngã, như lông rùa”. Kế là Luận chủ chất vấn.

Luận: “Thật ngã sở chấp”, đến “lẽ ra là vô thường”.

Thuật rằng: Ở đây có hai lượng. Ngã đã thường có thì ai có thể tác và thọ. Nói biến dị, nghĩa là thể chuyển đổi vô thường. Lượng rằng: “Ngã của ông, lẽ ra không thể tác nghiệp thọ quả, vì chấp nhận không có biến dị, chấp nhận thể là thường, như hư không v.v... Các việc chấp ngã là thường đều không có biến dị. Nay lập ra ngã chấp cũng được. Nếu dụng chuyển biến khiến cho thể vô thường cũng được, nếu dụng có biến dị thì ngã mà ông chấp lẽ ra thể vô thường, vì chấp nhận dụng biến dị, như sắc, thanh...” hoặc phá Tăng-khư, khiến cho thể cũng chuyển biến, hoặc tùy theo sự co duỗi gọi là biến dị cho nên lẽ ra vô thường, hoặc là lập ngã.

Luận: “Nhưng các hữu tình”, đến “đối với lý không trái”.

Thuật rằng: Đây là nêu chánh nghĩa, văn rất dễ hiểu. Pháp tâm,

tâm sở và sức nhân duyên v.v... là do bảy thức huân tập chủng tử sức nhân duyên, thức A-lại-da sinh vào các đường nối tiếp không đoạn, sáu thức tạo nghiệp, đây gồm cả Thức thứ tám cũng có thể thọ quả, đối với lý không trái. Lại, tâm và tâm sở tức là Thức thứ tám. Tự thể chủng tử sức nhân duyên, sự hiện hành của nó là thức nối tiếp không dứt, tức là Thức thứ sáu này có khi tạo nghiệp, đều cùng với Thức thứ tám cũng có thể thọ quả, đối với lý không trái. Lại, pháp tâm và tâm sở của Thức thứ tám, mỗi tâm đều từ chủng tử sức nhân duyên, năm uẩn của các đường nối tiếp không gián đoạn, tức là giả này, sáu thức tạo nghiệp, Thức thứ sáu và Thức thứ tám thọ quả, đối với lý không trái, trừ Thức thứ bảy ra. Người ngoài lại vặn hỏi.

Luận: “Ngã nếu thật không có”, đến “câu hướng Niết-bàn”.

Thuật rằng: Đoạn thứ ba, văn có bốn phần. Người ngoài vặn hỏi: Nếu có ngã thì có thể có sự chán bỏ, ngã đã thật không thì ai sống trong sinh tử và đắc Niết-bàn? Đã không có việc như vậy thì liền thành vui lớn, vì không có sự chán bỏ? Hai câu hỏi trong đây, lẽ ra lập lượng rằng: “Tất cả hữu tình, lẽ ra không có sinh tử, cũng không cầu Niết-bàn, vì không có ngã, như hư không.”

Luận: “Sở chấp thật ngã”, đến “thường làm tự hại”.

Thuật rằng: Luận chủ chất vấn: “Tánh của ngã đã thường, vì sao có thể sinh tử?” Lượng rằng: “Ngã của ông, không thể luân hồi sinh tử, vì chấp không có sinh diệt, như hư không. Đã chẳng phải khổ não, lẽ ra không thể chán khổ vui cầu Niết-bàn, vì là thường, như hư không Vô vi”. Đã chấp ngã thường, lại chìm trong sinh tử cầu đến Niết-bàn, cho nên chỗ nói kia thường là tự hại, tổng kết các lỗi kia.

Luận: “Nhưng có loài hữu tình”, đến “câu hướng tới Niết-bàn”.

Thuật rằng: Nêu chánh nghĩa, nhưng có tương tự ngã, chỉ thuộc về uẩn giả hòa hợp, thân tâm nối tiếp, các việc sinh khởi không dứt, khởi phiền não rồi lại sinh các đường, vì chán sâu khổ này nên cầu Niết-bàn, cho nên không có thật ngã.

Luận: “Do đây nên biết”, đến “vọng chấp làm ngã”.

Thuật rằng: Tổng kết điều quấy trước, kể lại chánh nghĩa, văn rất dễ hiểu. Lấy văn phá chấp ngoại đạo gồm có bốn đoạn. Đoạn ba hỏi riêng trong câu đáp. Từ trên đến đoạn thứ nhất đã phá xong ngã. Từ đây trở xuống là đoạn hai là phá pháp chấp, trong đó có hai đoạn: phần đầu phá chấp, phần sau giải thích chấp. Hoặc có ba phần:

1. Hỏi đáp chung.
2. Rộng phá riêng.

3. Giải thích pháp chấp.

Hoặc chia làm bốn phần:

1. Hỏi đáp chung.
2. Hỏi đáp riêng để phá.
3. Phá chung Tiểu thừa và ngoại đạo.
4. Giải thích hai chấp kia.

Hoặc chia làm năm phần:

1. Ngoại đạo và Tiểu thừa lược hỏi chung, nêu pháp chẳng thật có.
2. Đáp sơ lược pháp thể là không có.
3. Phá chỗ chấp chẳng phải có trong câu hỏi riêng của Tiểu thừa và ngoại đạo.
4. Phá chung chỗ chấp không có năng thủ sở thủ của Tiểu thừa và ngoại đạo.
5. Giải thích pháp chấp kia phân biệt câu sinh giai vị thứ lớp hàng phục và đoạn diệt.

Luận: “Thế nào là ngoài thức?” cho đến “không thật có phải chẳng?”

Thuật rằng: Đây là phần thứ nhất của ngoại đạo và Tiểu thừa sơ lược chung làm câu hỏi. Nêu pháp chẳng phải có. Ngã sở chấp trong thức hoặc ngoài thức đã nói ở trước đều là thể, là không có, chỉ nên hỏi chung rằng: “Vì sao thật ngã không thật có?” Nay pháp kia có thể có trong thức, vì có pháp tương tự. Nhưng ngoài thức thì không có, vì phân biệt tông của họ chấp ngoài thức có, cho nên nay hỏi rằng: “Ngoài thức thật có các pháp không thật có chẳng?”

Luận: “Ngoại đạo và các thừa khác”, đến “lý chẳng thật có”.

Thuật rằng: Đây là đoạn hai đáp sơ lược câu hỏi kia, pháp thể không có, cũng đáp ngoài thức, không đáp trong thức.

Luận: “Sở chấp của ngoại đạo rằng vì sao chẳng phải có”. Thuật rằng: Là trong năm đoạn, từ đây trở xuống là đoạn thứ ba, ngoại đạo và Tiểu thừa hỏi riêng, phá riêng về sở thủ chẳng phải có, trong đó có hai phần:

1. Ngoại đạo hỏi riêng phá riêng.
2. Tiểu thừa hỏi riêng phá riêng.

Lại phần đầu ngoại đạo hỏi riêng trong phá, ban đầu thì hỏi, sau đó thì phá. Đây là hỏi.

Luận: “Còn Số Luận”, đến “hai mươi ba pháp”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phá. Trong đó có hai phần:

1. Phá riêng mười ba thứ chấp của đại ngoại đạo.
2. Tổng kết chín mươi lăm thứ thành bốn câu phá.

Trong phần đầu phá riêng mười ba chấp hợp chung làm sáu phá, đến sau sẽ biết thêm. Đây là phá Số Luận thứ nhất, văn có ba phần:

1. Nêu chấp.
2. Phá chấp.
3. Tổng kết các lỗi.

Trong đó, đến đoạn “xét kỹ văn” mới chia phần đoạn, nghĩa là có ngoại đạo tên là Kiếp-tỷ-la, xưa gọi là Ca-tỳ-la là nhằm, Hán dịch là Hoàng Xích, vì râu tóc sắc diện đều có màu đỏ vàng. Nay phương Tây quý chủng tánh Bà-la-môn, đều là màu đỏ vàng, người thời đó gọi là vị tiên Hoàng Xích Sắc, hàng đệ tử thượng thủ sau đó, như trong bộ chủ mười tám bộ tên là Phạt-lý-sa, Hán dịch là Vũ, vì sinh ra khi trời đang mưa, cho nên lấy đó làm tên, đồ đảng của Vũ gọi là ngoại đạo Vũ Chúng. Tiếng Phạm là Tăng-khư, Hán dịch là Số, tức là trí tuệ số, đo lường các pháp căn bản để đặt tên theo số mà khởi Luận, gọi là Số Luận. Luận có thể sinh ra số cũng gọi là Số Luận. Người soạn ra Số Luận và học Số Luận gọi là Số Luận giả. Luận Kim Thất Thập cho các sư này soạn là có ngoại đạo đến nước Kim-nhĩ, lấy miếng đồng nịch bụng, đầu đội chậu lửa, đánh trống vương Luận, xin Luận nghị với Tăng. Do tranh Luận về thế giới ban đầu thì có, về sau thì không, hủy báng Tăng không bằng ngoại đạo, bèn soạn Thất Thập tụng để trình bày tông của Số Luận, vua thấy hợp ý bèn ban cho vàng, ngoại đạo muốn danh dự bản thân mình rục rở, bèn lấy bài Luận mới soạn đặt tên là Luận Kim Thất Thập. Bài Luận ấy văn xuôi do Bồ-tát Thiên Thân soạn. Đến quyển 4 ở sau sẽ nói rộng thêm. Dựa vào Luận Kim Thất Thập mà lập ra hai mươi lăm Đế, lược chung làm ba, kế trung làm bốn, rộng là hai mươi lăm. Luận đó ghi: Lược làm ba là biến dị, tự tánh và ngã tri.

1. Biến dị: Là trung gian hai mươi ba Đế, chỗ tạo tác của tự tánh gọi là biến dị.

2. Tự tánh: Là minh tánh, nay gọi là tự tánh, xưa gọi là minh tánh, nay cũng gọi là thắng tánh, chưa sinh các đại chỉ trụ tự phần gọi là tự tánh. Nếu sinh các đại thì gọi là thắng tánh, vì dụng tăng thêm thù thắng.

3. Ngã tri: Là thân ngã.

Trung làm bốn:

1. Bốn mà không biến dị: Tức là tự tánh năng sinh ra đại, nên gọi là bốn, không từ vật khác sinh cho nên không biến dị.

2. Biến dị mà phi bốn: Một thuyết thì nói mười sáu Đế, tức là mười một căn và năm đại, tổng cộng là mười sáu Đế. Lại một thuyết nữa nói chỉ có mười một căn, nhưng từ vật khác sinh thì gọi là biến dị, không thể sinh ra vật khác cho nên chẳng phải bốn.

3. Vừa bốn vừa biến dị: Một thuyết là bảy Đế, tức là đại, ngã mạn và năm duy lượng. Lại thuyết nữa gồm năm đại hợp chung với mười hai pháp, là từ vật khác sinh mà lại sinh ra vật khác.

4. Phi bốn phi biến dị: Tức là thần ngã.

Rộng là hai mươi lăm Đế:

1. Tự tánh.
2. Đại.
3. Ngã mạn.
4. Năm duy.
5. Năm đại.
6. Năm tri căn.
7. Năm tác nghiệp căn.
8. Tâm bình đẳng căn.
9. Ngã tri giả.

Đối với vị thứ chín này mở ra làm hai mươi lăm Đế.

Hỏi: Vì sao tự tánh có thể làm sinh nhân cho các pháp?

Đáp: Ba đức hợp chung cho nên có thể sinh ra các Đế. Ba đức, tiếng Phạm là Tát-đỏa, Hán dịch là hữu tình, cũng dịch là Dũng kiện, nay lấy nghĩa Dũng kiện. Tiếng Phạm là Thích-xà, Hán dịch là vi, các bụi nhỏ như lông trâu v.v... đều gọi là Thích-xà, cũng gọi là bụi cát, hiện tại dùng nghĩa bụi cát. Tiếng Phạm là Đáp-ma, Hán dịch là ám, chữ ám trong ám độ. Ba đức lẽ ra gọi là dũng, trần, ám, hoặc dịch theo nghĩa phụ như xưa dịch là nhiễm, thô, hắc, nay dịch là hoàng, xích, hắc, xưa dịch là hỷ, ưu, ám, nay dịch là tham sân si, xưa gọi là lạc, khổ, si, nay gọi là lạc, khổ, xả.

Người khác hỏi: Ngã tri giả này có thể là thọ giả hay chăng?

Đáp: Là thọ giả, vì ba đức tạo tác.

Hỏi: Đã chẳng phải tác giả thì dụng ngã làm gì?

Đáp: Làm nghĩa lãnh thọ, nghĩa đó là cảnh, chúng ở cảnh. Ngã là tri giả, ngoài ra không có năng tri. Lại, từ minh tánh đã chuyển biến ngã thọ dụng, lần lượt sinh, là tự tánh vốn có Vô vi thường trụ, chỉ có thể sinh ra vật khác, không từ vật khác sinh ra, do ngã khởi cảnh giới tư thọ dụng, từ tự tánh trước hết sinh ra đại. Đại nghĩa là tăng trưởng, tự tánh tướng tăng nên gọi là đại, hoặc gọi là giác, cũng gọi là tướng, gọi là biến

mãn, gọi là trí, gọi là tuệ. Từ đại sinh chấp ngã, tự tánh của chấp ngã đó khởi dụng quán sát ở ngã, biết ngã cần có cảnh cho nên nói chấp ngã. Ban đầu cũng gọi là chuyển dị, cũng gọi là cấu bản. Có thuyết nói ngã mạn sinh năm đại, năm duy, mười pháp. Năm đại là đất, nước, lửa, gió, không. Có một vật riêng gọi là không, chẳng phải cái không trống trơn, cõi không của sắc. Năm duy là thanh, xúc, sắc, vị, hương. Có thuyết nói mạn chỉ sinh năm duy, năm duy sinh năm đại, năm đại sinh mười một căn, làm thọ dụng của ngã thì trước hết tạo tác năm duy. Lượng nghĩa là quyết định, chỉ quyết định dùng thứ này thành các đại căn v.v..., hoặc y theo đây nói sắc thành hỏa đại, hỏa đại thành nhãn căn, nhãn không thấy hỏa mà thấy sắc. Thanh thành không, không thành nhĩ, nhĩ chẳng nghe không mà nghe thanh. Hương thành địa, địa thành tỷ, tỷ không nghe địa mà nghe hương. Vị thành thủy, thủy thành thiệt, thiệt không được thủy mà nếm vị. Xúc thành phong, phong thành thân, thân không được phong mà được xúc. Chỗ nói trong đây y theo nghĩa riêng thành. Có thuyết nói năm duy đều thành năm đại, năm đại đều thành năm căn. Năm tác nghiệp căn và tâm bình đẳng căn cũng đều chung thành. Làm dụng cho năm duy phải cần mười một căn, mười một căn không thể tự có, phải dựa năm đại mà thành. Sở tạo của Phật pháp là năng tạo kia, cho nên mười một pháp biến dị chẳng phải gốc, thuận với giải thích sau, tức là hiện tại phương Tây còn có hai sự tranh cãi. Kế đó sinh ra mười một căn, ban đầu sinh năm tri căn, năm tri căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, bì. Kế là sinh năm tác nghiệp căn, năm tác nghiệp căn là:

1. Phương tiện nói năng.
2. Tay.
3. Chân.
4. Nơi tiểu tiện.
5. Nơi đại tiện.

Trong phương tiện nói năng này, miệng lưỡi là thứ cần thiết. Trong tay chân này, tức là phân bì căn phân ra, trước nói chung là bì, nay là lấy phần nhánh. Lại nữa, căn đại tiểu tiện của nam nữ tác dụng khác nhau cho nên lập riêng. Kế là sinh tâm căn, Luận Kim Thập Thập phân biệt làm thể, có thuyết nói đây là nhục tâm làm thể. Thần ngã lấy tư làm thể, cho nên Nhân Minh nói chấp ngã là tư. Ba đức là nhân của sinh tử, do sự chuyển biến nhiều loạn ngã cho nên không được giải thoát. Biết hai mươi ba Đế chuyển biến vô thường sinh chán mà tu đạo, tự tánh ẩn dấu vết không sinh các Đế, ngã liền giải thoát. Nay pháp pháp ấy để hiển bày thể của ba đức không phải là năng thành, hai mươi ba

Đế chẳng phải sở thành. Không phá ngã kia, vì trước đã phá rồi, cho nên nói chỗ thành của ba đức là hai mươi ba pháp.

Luận: “Nhưng pháp của các đại”, đến “chỗ đắc của hiện lượng”.

Thuật rằng: Hai mươi ba Đế do ba việc hòa hợp của các Tát-đỏa làm thành tự thể, đều là pháp thật có không bị hoại diệt. Nhưng là chuyển biến, gọi là vô thường, bắt đầu từ tự tánh chuyển biến mà sinh, sau khi biến hoại lại trở về tự tánh, chỉ là ẩn hiển, chẳng phải sau vô thể diệt gọi là vô thường, thể đều là tự tánh, lại không có tự thể riêng, là thật chẳng phải giả. Những thứ này đều là sở đắc của hiện lượng, sự thọ dụng của ngã, ở đây hiển bày hai nghĩa: một là Thật, hai là Hiện lượng đắc.

Luận: “Chấp kia phi lý”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phá. Trong phá có ba đoạn:

1. Phản đối chung.
2. Hỏi lại.
3. Phá riêng.

Ở đây là phản đối chung.

Luận: “Vì sao?”

Thuật rằng: Đây là hỏi lại.

Luận: “Các pháp như đại v.v...”, đến “lẽ ra giả chẳng phải thật”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phá riêng.

Trong phá có ba đoạn:

1. Phá chung chỗ thành của hai mươi ba Đế.
2. Từ “ba việc hòa hợp của các Tát-đỏa” trở xuống là phá riêng ba pháp năng thành của Bốn sự.
3. Từ “lại ba là riêng v.v...” trở xuống, là phá chung hai mươi bốn Đế của năng thành và sở thành.

Phần đầu phá có ba, đây là phần đầu. Đại v.v... hai mươi hai pháp trung gian. Lượng thứ nhất nói rằng: “Các pháp như đại v.v..., lẽ ra là giả chẳng phải thật”. Nhân nói rằng: “Vì chấp nhận nhiều sự làm thành”. Dụ nói rằng: “Như quân đội, như rừng v.v...”. Nhưng trong tông kia cho rằng quân đội và rừng là giả, chẳng phải thật, vì nhiều pháp làm thành không giống như bình chậu. Bình chậu tuy cũng là do nhiều pháp mà thành, nhưng năng thành của nhiều pháp cũng đều không lìa nhau, các Đế như đại v.v..., nên đều là thật có, quân đội và rừng lìa nhiều pháp mà thành, cho nên giả chẳng phải thật. Nhưng thể chẳng phải là diệt hoại vô thường, khi bị phân tách ra thì trở về tự tánh, tức là nó đã

chấp nhận thế gian có giả, cho nên được làm dụ. Nhưng sở chấp kia là các pháp như đại v.v..., mỗi mỗi đều nương vào sở thành của ba đức, ba việc hòa hợp là các đại năng thành. Đây nói là sở thành, không nói sở sinh, không trái với tông kia, nhưng ở chỗ khác giả nói là sinh. Sinh của sự sinh thành, chẳng phải sinh của sinh khởi, sinh khởi này sau khi sinh thì có sự hoại diệt, cho nên theo nhân của các đại mà nói là nhiều sự thành, hoặc nói sở thành của ba đức làm nhân, không có lỗi đồng dụ. Nay chỉ nói chung là nhiều sự thành, nhân không có lỗi, hoặc tự tông của năm duy này cũng nói là nhiều sự thành, há không trái với tông hay sao! Nếu y theo ba giả mà nói, là thuộc về nối tiếp giả, cho nên không trái với giáo. Cũng chẳng phải chỗ nhiều sự cộng thành, vì đều là sinh. Lại, tông kia chấp các pháp như đại v.v... là do nhiều sự thành, là hiện lượng đặc, vì khi đặc các sắc cũng đặc đại v.v.... Quân đội và rừng cũng do nhiều sự thành, nhưng chẳng phải hiện lượng đặc.

Luận: “Vì sao có thể nói hiện lượng đặc?”

Thuật rằng: Vấn nạn pháp của các đại chẳng phải hiện lượng đặc. Lượng thứ hai nói: “Đại v.v... của ông cũng chẳng phải sở đặc của hiện lượng, vì nhiều sự làm thành, hoặc là vì giả, như quân đội và rừng v.v...”. Trước đã phá giả, cho nên được làm nhân, hoặc như thế là có một phần lỗi trái với tự tông, đây là chấp nhận bốn đại trong năm đại gồm cả năm duy lượng đều do nhiều sự làm thành, là sở đặc của hiện lượng, điều này cũng không đúng. Họ chấp là thường, tông nói “chỗ chấp của ông” cho nên không có lỗi. Lại, trong văn ít, lẽ ra thay đổi tông ở trước, nói Đại v.v... chẳng thật có cảnh sở đặc của hiện lượng, tức là phân biệt bốn đại và năm duy của tự tông chẳng thật có cảnh sở đặc của hiện lượng. Quân đội và rừng của tông kia v.v..., vì cũng chẳng thật có cảnh sở đặc của hiện lượng, cho nên được làm dụ. Hiện lượng của tông kia tức là năm tri căn, tâm bình đẳng căn, nhưng chẳng phải các vật quân đội và rừng của tông kia là thật có cảnh sở đặc của hiện lượng. Nay chỉ ngăn thật có cảnh sở đặc của hiện lượng. Chân như là nói năng cho nên không có lỗi.

Luận: “Lại, các pháp như đại v.v...”, đến “chẳng phải ba hợp thành”.

Thuật rằng: Phần thứ ba là phá chung hai mươi ba Đế. Lượng rằng: “Hai mươi ba Đế của các đại, lẽ ra chẳng phải ba việc hợp thành, vì chấp nhận thật có, như tự tánh. Văn Luận trong đây, tông có trước sau, nhân không gián lược. Y theo trước nên biết, vì văn sơ lược. Từ trên đến đây, ba lượng phá chung hai mươi ba Đế sở thành, từ đây trở xuống

phần thứ hai phá riêng Bốn sự tự tánh năng thành.

Luận: “Ba việc của các Tát-đỏa”, đến “cũng do ba hợp thành”.

Thuật rằng: Trong đó vẫn có tám, lượng có mười. Trong đây lượng rằng: “Ba việc của Tát-đỏa, cũng phải do ba việc hợp thành, vì chấp nhận đại v.v... giống như đại v.v...”. Các đại của tông kia là ba việc như Tát-đỏa v.v..., ba việc của Tát-đỏa tức là các đại, ba việc của các Tát-đỏa v.v... là bốn pháp, không từ người khác mà thành. Đại v.v... thì không như thế, cho nên lấy ba đức so sánh nhiều pháp như đại v.v... mà thành. Từ đây trở xuống là phần hai.

Luận: “Chuyển biến phi thường là so sánh cũng vậy”.

Thuật rằng: Lại phá tự tánh. Do ba việc này tức là đại v.v..., lẽ ra giống như đại v.v... chuyển biến phi thường, nên lập lượng rằng: “Ba pháp của Tát-đỏa, lẽ ra chuyển biến vô thường, tức là đại v.v..., như pháp của đại v.v...”, có lỗi năng biệt không cực thành và lỗi không có đồng dụ, cho nên dùng lời “chuyển biến” để phân biệt.

Luận: “Lại nữa, ba bốn sự”, đến “năng thể là một”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ ba, lấy thể so sánh với công năng. Lượng rằng: “Thể của ba việc của Tát-đỏa v.v..., lẽ ra mỗi việc đều có nhiều, tức là công năng, như công năng kia”. Công năng nhiều, là vì tất cả sự trên đều có nhiều công năng, tức là các công năng sinh ra đại v.v... Thể chỉ có một, so sánh năng cũng nhiều, lấy năng làm lượng cũng vậy, nhân chỗ chấp kia, cho nên lấy làm dụ.

Luận: “Ba thể đã khắp”, đến “thể không khác”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ tư, thứ năm, lấy một phần thể so sánh với một phần khác. Lượng rằng: “Ba việc của Tát-đỏa v.v..., khi một phần chuyển biến thành pháp thì một phần còn lại lẽ ra cũng chuyển biến, thể này tức là thể của Tát-đỏa kia v.v... không khác”. Có chỗ nói: “Vì chấp nhận thể khắp tất cả, như một phần chuyển biến”. Hai tỷ lượng này, một là thể chẳng khác nhân, hai là khắp tất cả nhân. Hoặc chấp nhận một phần biến, một phần còn lại cũng biến, tức là ba việc này chẳng có lúc nào không biến chuyển, bèn có lỗi trái với tông. Họ chấp rằng: “Xứ này biến thành núi sông, xứ kia không biến, thể của tự tánh vẫn khắp tất cả”. Từ đây trở xuống là phần thứ sáu, chấp ba thứ thể tướng của họ đều khác nhau, vẫn nói hòa hợp thành chung một tướng, lấy ba thể kia so sánh thành một tướng.

Luận: “Chấp nhận ba việc này”, đến “cộng thành một tướng”.

Thuật rằng: Trong đây ngăn tổng hợp thành một tướng, vì tông đó tự chấp nhận ba thể tướng khác nhau. Lập lượng rằng: Tướng sở thành

do ba việc hòa hợp, lẽ ra cũng có ba, vì chấp nhận là ba thể, như thể.

Luận: “Khi không nên hợp”, đến “thể không khác nhau”.

Thuật rằng: Tỷ lượng thứ bảy nói: “Ông nói khi ba việc này hòa hợp cộng thành một tướng thì lẽ ra không thể thành một, vì ba thể đều khác nhau, hoặc thể trước và thể sau không khác nhau, nếu không hợp với thời thì tướng thật có ba biến chuyển hợp thành một”. Họ chấp ba việc có chỗ không hòa hợp, tức là khi pháp của các đại chưa thành, cho nên được làm dụ. Lại lập lượng rằng: “Ba việc của ông khi chưa thành các đại, lẽ ra cũng có thể thành các đại, vì thể trước và thể sau không khác nhau, như khi thành về sau”. Phần thứ tám, kia nói ba thể có khác nhưng tướng nó là một, tức là vì cứu nạn trước cho nên tạo ra chấp này.

Luận: “Hoặc nói ba việc”, đến “thể tướng là một”.

Thuật rằng: Điều này trái với tự tông, vì thể tức là tướng. Lấy sự đồng khác của thể và tướng. Lượng rằng: “Ba việc gốc của ông, thể lẽ ra không khác, vì nói thể và tướng không khác nhau, như tướng sở thành”. Hoặc tướng lẽ ra có ba việc khác nhau với không khác thể, như ba bản thể, vì chấp nhận tướng có một mà việc có ba, cho nên trái với tự tông, vì ba thể của tự tông tức là tướng, không nên ba mà là một, do trái với tự tông, cho nên có câu hỏi này. Từ đây trở xuống là phần thứ chín, thứ mười, lượng nói.

Luận: “thể lẽ ra như tướng”, đến “ba việc hợp thành một”.

Thuật rằng: Đây là thể dụng tướng tức lẫn nhau, hỏi về lượng có hai câu, vẫn có hai tông. Nhân thì nói thể tức là tướng, vì tướng tức là thể, lại làm dụ lẫn nhau, lý đó rất dễ hiểu.

Phần thứ ba hỏi chung hai mươi bốn Đế, chỉ trừ ngã thể, vì trước đã phá rồi. Văn trong đó có năm đoạn, đoạn thứ nhất hỏi về chung và riêng.

Luận: “Lại ba việc là riêng”, đến “lẽ ra chẳng phải một hoặc ba”.

Thuật rằng: Lại, ba việc là khác, vì đều khác với thể, đại v.v... là chung, vì là một pháp. Chẳng phải nói ba việc làm thành đại mà trở nên khác, đây là nương vào một tướng ở trước mà làm câu hỏi. Ba việc hòa hợp thành đại v.v..., đại v.v... gọi là chung, tuy chung và riêng không đồng, nhưng tánh thì quyết định là một, như vàng làm vòng xuyên, không thể lia vòng xuyên mà có vàng riêng, lấy ba việc gốc này y theo đại v.v... mà vấn nạn. Lượng rằng: “Ông chấp nhận có ba việc riêng, lẽ ra là một không phải ba”. Nhân nói rằng: “Vì tánh tức là chung, như

tổng các đại”. Lấy chung các đại từ ba nạn rằng: “Từ pháp chung như các đại, lẽ ra là ba chẳng phải một”. Nhân nói rằng: “Thể tức là ba sai biệt, như ba tánh riêng”. Trong văn Luận này sai quấy lẫn nhau, nói là chung chẳng phải một, riêng chẳng phải ba, nếu họ chuyển lại chấp rằng: “Ai nói các pháp mà các đại làm thành đều là một?” Vì ba việc hợp thành nên chẳng phải một tướng, các tướng trong đó thật ra đều khác nhau, vì hợp chung lại cho nên tướng tự là một.

Luận: “Khi ba việc này biến”, đến “là một sắc”.

Thuật rằng: Thứ hai phá chuyển chấp chẳng phải thành một tướng. Khi ba việc này biến, là khi ba việc này chuyển biến thành các đại, hoặc không hòa hợp thành một tướng, ý nói ba thể biến thành một tướng, tức là pháp thể của các đại cũng có ba tướng chẳng phải một tướng. Đoạn văn trên là chấp, dưới là vặn hỏi để cởi mở. Phải như chưa biến bản thể của ba việc, tức là phải thấy ba việc. Thế nào là thấy một? Lượng rằng: “Tướng sở thành do ba việc hòa hợp, lẽ ra thấy ba việc khác nhau, vì chấp nhận có ba, như thấy ba tướng thể khi chưa biến. Lại nếu không hòa hợp chỉ thành một tướng, trong tướng có ba việc, vì sao hiện thấy là một sắc v.v...? Thế gian hiện thấy sắc chỉ là một, mà nói nhưng do ba pháp làm thành, nên sắc có ba việc khác nhau, tức là lỗi trái với hiện lượng và thế gian. Lượng rằng: “Các pháp như sắc, lẽ ra đều thấy là ba việc, vì thể có ba, như ba việc của ông”.

Đây là vặn hỏi nghĩa ba thể thành ba tướng, sau đó lại vặn hỏi nghĩa thành một tướng. Phần thứ nhất ở trước, hỏi vặn tướng lẽ ra là ba, hoặc lẽ ra chẳng phải một, tuy giống như đối với câu hỏi này, câu hỏi này hoặc thành lỗi một tướng gốc ba tướng và bản thể, cho nên cùng với lỗi trước thể tánh đều khác nhau.

Luận: “Hoặc ba việc hòa hợp”, đến “thể lẽ ra cũng có lỗi”.

Thuật rằng: Đây là thứ ba, phá ba việc hòa hợp cộng thành một tướng, một tướng tức là đại v.v... Lượng rằng: “Khi ba tướng căn bản của ông cộng thành một tướng thì ba tướng căn bản lẽ ra không có ba tướng, vì tức là một tướng, giống như một tướng, tướng đã mất gốc, thể lẽ ra cũng vậy, vì tướng và thể là một. Lượng rằng: “Khi thành tướng thì ba thể căn bản lẽ ra không có ba, vì tướng tức là thể, như tướng sở thành”.

Luận: “Không thể nói ba việc”, đến “Thấy một là thế nào?”

Thuật rằng: Đoạn văn thứ tư này, do phá chấp trở lại ba việc căn bản đều có hai tướng. Một là tướng chung, hai là tướng riêng. Khi thành tướng, đại v.v... sở thành chỉ thấy tướng chung một việc, ba việc căn

bản tức là ba tướng riêng. Nay phá điều này, lượng thứ nhất nói rằng: “Pháp chung như đại v.v..., lẽ ra chẳng phải là chung, tức là ba thể, như ba tướng riêng. Lấy riêng theo chung để làm vặn hỏi cũng vậy. Lại nêu tất cả tướng chung của ba việc, hoặc chẳng phải một, lẽ ra cũng thấy ba, vì tướng tức là thể, như thể của ba việc, thể lẽ ra thấy một, vì tức là tướng chung, giống như tướng chung. Tướng chung của ba việc hoặc có ba thứ, không nên thấy một, vì có ba thứ, như ba việc gốc. Tướng riêng của ba việc không nên thấy ba, tức là ba tướng, như tướng của đại v.v... Từ đây trở xuống là phần thứ năm, kia lại chấp rằng: Ba việc trên, mỗi việc đều có ba tướng, là ban đầu Tát-đỏa có một tự tướng, cùng với tướng của hai sự Thích-xà và Đáp-ma, hai pháp còn lại xoay vần đối nhau, mỗi pháp đều có ba tướng, lẫn lộn nhau mà cộng thành các pháp như đại v.v... Vấn nạn xong chín tướng khó thấy một tướng, thật ra trong đó mỗi thứ có ba tướng xen lẫn nhau mà trụ.

Luận: “Hoặc nói ba thể”, đến “cho nên thấy một”.

Thuật rằng: Ở đây nhắc lại chấp kia.

Luận: “Đã có ba tướng lẽ nào thấy là một”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống năm câu hỏi, câu thứ nhất đã nói “đều có ba tướng”. Vẫn thấy là ba, vì sao lại thấy là một? Trong các đại lẽ ra thấy ba tướng, vì tướng tức là thể, cũng như ba thể. Các tướng như đại v.v..., hoặc lẽ ra thấy là chín, vì tức là bốn tướng, tất cả chín tướng của ba thể trên, mỗi thứ đều có ba tướng cho nên lẽ ra không thấy một, như ở trước thấy sắc, trong đây mỗi mỗi làm lượng lẫn nhau, làm y cứ cho nhau.

Luận: “Lại làm sao biết ba việc có khác?”

Thuật rằng: Là tỷ lượng thứ hai. Lại, trong ba việc này, mỗi việc đều có ba tướng, cùng chung thành đại v.v... Làm sao biết ba việc đều có khác nhau? Tỷ lượng của ba việc đều có một thứ, lượng thứ nhất nói: “Hai pháp Tát-đỏa và Thích-xà của ông, lẽ ra không phải Tát-đỏa và Thích-xà, vì đủ ba tướng, như Đáp-ma, hoặc lẽ ra hai thứ này tức là Đáp-ma, vì có ba tướng, như Đáp-ma đã như thế thì làm sao biết ba việc khác nhau?”

Luận: “Nếu kia mỗi mỗi”, đến “đợi ba hòa hợp”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống lượng thứ ba lại hỏi về ba đức, mỗi đức lẽ ra như thế. Nói rằng một trong ba việc này lẽ ra thành các pháp như đại, đâu cần phải mượn đến ba việc, vì đủ ba tướng, như ba việc hợp chung. Lượng rằng: “Một pháp Tát-đỏa lẽ ra thành đại v.v...”, vì có đủ ba tướng, như khi Đáp-ma hợp chung. Nếu nói thiếu một duyên thì

không thành thì chỗ nào thiếu mà chờ ba việc? Nếu nói phải do ba việc ba tướng hợp chung mới thành đại v.v..., cho nên một việc vốn không thể thành đại v.v...

Luận: “Thế đáng lẽ cũng mỗi thứ có ba, vì thế tức là tướng”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống lượng thứ tư nói: “Lại lượng thứ tư ở dưới đây nói, lại mỗi tướng kia lẽ ra có ba thể, vì thế tức là tướng, giống như tướng gốc, mỗi mỗi đều là lượng, hoặc đều làm lượng”.

Từ đây trở xuống là vấn nạn chung thứ năm về đại v.v... đáng lẽ không có sai biệt.

Luận: “Lại nữa, các pháp như đại v.v...”, đến “lẽ ra không có sai biệt”.

Thuật rằng: Lượng rằng: “Các đại khác ngoài Đế và pháp của các mạn lẽ ra không khác với đại, vì ba việc hợp thành, như đại. Vì đại đối với mạn v.v... đã không khác như thế, mạn đối với đại v.v... không khác cũng như thế”. Hai mươi ba pháp lần lượt hợp chung có hai mươi ba lượng, nếu ông nói rằng đều không khác nhau.

Luận: “Cho nên nhân quả”, đến “đều không được thành”.

Thuật rằng: Tổng kết trái với tông, đó là lấy đại làm nhân, mạn làm quả. Năm duy lượng, năm đại và mười một căn không có khác nhau cho nên đều không thành.

Luận: “Hoặc một căn như thế”, đến “sở đắc của tất cả căn”.

Thuật rằng: Đây là hiển bày lý do không có khác nhau thì không thành, trái với lỗi của hiện lượng, tức là không có khác nhau. Một căn lẽ ra được tất cả cảnh, hoặc một cảnh là chỗ được của tất cả căn, vì không có khác nhau, vì lẫn nhau làm tông dụ cũng như thế. Ở đây có hai lượng, là vì một căn đối với tất cả cảnh giới không được, lẽ ra cũng được, vì thế không khác. Như từ cảnh sở đối, cảnh đối với căn cũng có chỗ hỏi vặn đó, trong Luận Phật Tánh cũng có câu hỏi này.

Luận: “Thế gian hiện thấy”, đến “thành lỗi của đại”.

Thuật rằng: Trước trái với hiện lượng, ở đây trái với thế gian.

Luận: “Cho nên chỗ chấp kia”, đến “chấp là có”.

Thuật rằng: Tổng kết chỗ sai kia, như vẫn có thể hiểu. Đoạn văn thứ ba, trong đây Số Luận và Thắng Luận đều có mười tám bộ dị chấp tranh nhau hưng khởi. Như trong Biệt sao ký có ghi.

Từ đây trở xuống là phần thứ hai phá nghĩa của Thắng Luận, thành người mặt kiếp tuổi thọ vô lượng, ngoại đạo xuất thế tên là Ốt-lô-ca, đây gọi là Hưu lưu, ban ngày thì tránh sắc thanh, núp trong rừng núi, ban đêm bật dứt thấy nghe mới đi khát thực, người thời đó gọi là giống

như loài chim hưu lưu, do đó mà được tên Hưu lưu, tức là tên khác của Huân hầu, xưa gọi Ưu-lâu-khư là sai, hoặc gọi là Yết-noa-bộc. Yết-noa là Mễ tề, Bộc dịch là thực. Vì trước hay đi ban đêm, làm kinh sợ đàn bà trẻ con, chọn chỗ đất trống để nghiền lấy gạo trong vỏ trấu mà ăn, do đó mà được tên, người thời đó gọi là vị tiên Thực mễ tề, xưa gọi Kiển-ni-đà là sai, cũng gọi là Phệ-thế-sử-ca, Hán dịch là Thắng, sáng tác sáu câu Luận, các Luận ít có Luận nào sánh bằng nên gọi là Thắng, hoặc soạn Luận hơn người nên gọi là Thắng Luận, xưa gọi là Vệ-thế-sư, hoặc gọi là Bệ-thế-sư đều là sai. Sư của Thắng Luận soạn Thắng Luận thì gọi là Thắng Luận sư, nhiều năm tu đạo đạt được năm thông, cho rằng đã chứng Bồ-đề liền vui mừng nhập diệt, nhưng than thở chỗ ngộ này chưa có truyền nhân. Thương xót thế gian có tình si mà không có mắt nhân ái, bèn quán sát bảy đức truyền pháp để khiến được lưu truyền:

1. Sinh giữa nước.
2. Cha mẹ đều là họ Bà-la-môn.
3. Có tánh bát Niết-bàn.
4. Thân tướng đầy đủ.
5. Thông minh biện Luận nhanh nhẹn.
6. Tánh hạnh nhu hòa.
7. Có tâm đại bi.

Trải qua vô lượng thời gian không có bảy đức, sau phải trụ lại nhiều kiếp. Nước Bà-la-ni-tư, có Bà-la-môn tên là Ma-nạp-phước-ca, Hán dịch là Nho Đồng. Con của Nho Đồng tên là Bát-giá-thi-khí, Hán dịch là Ngũ Đảnh. Tóc trên đảnh có năm xoáy, đầu có năm sừng, người này tuy có bảy đức, nhưng căn cơ chậm chạp, đã nhiễm vợ con rất cuộc khó hóa đạo. Trải qua vô lượng năm, dò xét căn cơ thuần thực, sau ba ngàn năm, nhân dịp vào vườn hoa vui chơi, giành hoa với vợ con mà tức giận lẫn nhau, Hưu Lưu do đây mà nương thần thông giáo hóa cho đó, Ngũ Đảnh không theo, vị tiên trở về. Lại, ba ngàn năm biến hóa cũng không được, lại ba ngàn năm cả hai cạnh tranh nhau rất dữ, chán nhau đã nhiều, ngửa mặt nhớ không tiên, tiên nhân ngay lúc đó liền dùng thần lực hóa dẫn, bay vọt lên hư không đón qua chỗ ở trong núi, dần dần nói pháp sở ngộ nghĩa sáu câu:

1. Thật.
2. Đức.
3. Nghiệp.
4. Hữu.
5. Đồng dị.

6. Hòa hợp.

Đây là theo Bách Luận và chỗ phá của Luận này. Nhưng có sáu pháp cú nghĩa, con cháu đời sau của Thắng Luận tên là Tuệ Nguyệt lập ra mười cú nghĩa, trong đó lược lấy ba môn phân riêng: một là nêu tên chung, tên riêng; hai là nêu ra thể tánh; ba là giải thích các môn.

Một là nêu tên chung, tên riêng:

a. Nêu tên chung: Gồm có mười câu:

1. Thật.
2. Đức.
3. Nghiệp.
4. Đồng.
5. Dị.
6. Hòa hợp.
7. Hữu năng.
8. Vô năng.
9. Câu phân.
10. Vô thuyết.

b. Nêu tên khác: Thật có chín thứ:

1. Địa.
2. Thủy.
3. Hỏa.
4. Phong.
5. Không.
6. Thời.
7. Phương.
8. Ngã.
9. Ý.

Đức có hai mươi bốn thứ:

1. Sắc.
2. Vị.
3. Hương.
4. Xúc.
5. Số.
6. Lượng.
7. Tánh riêng.
8. Hợp.
9. Ly.
10. Tánh kia.

11. Tánh đây.
12. Giác.
13. Lạc.
14. Khổ.
15. Dục.
16. Sân.
17. Siêng năng mạnh mẽ.
18. Trọng tánh.
19. Dịch tánh.
20. Nhuận.
21. Hành.
22. Pháp.
23. Phi pháp.
24. Thanh.

Nghiệp có năm thứ:

1. Lấy.
2. Bỏ.
3. Co.
4. Duỗi.
5. Đi.

Là đồng thể, là chỉ có thật đức nghiệp, vì ba thứ đồng nhất.

Thể của dị thì nhiều, vì dựa vào chín thật, hoặc chung thật khác, hoặc riêng thật khác. Trong chín thật mỗi thứ đều có chia ra vi tế. Hòa hợp là một. Thể của hữu năng và vô năng có thể có nhiều, khi thật đức nghiệp đặc quả, hoặc cộng hoặc bất cộng thì câu phân cũng nhiều, vì mỗi thứ thật đức nghiệp đều có tánh riêng.

Vô thuyết có năm:

1. Khi chưa sinh thì không có.
2. Khi đã diệt thì không có.
3. Không có kia đây qua lại.
4. Không có khi không hòa hợp.
5. Không có khi rốt ráo.

Hai là nêu ra thể tánh:

A. Thể tánh của chín thật: Hoặc là có sắc, vị, hương, xúc gọi là địa, lấy đức để hiển địa. Nếu có sắc, vị, xúc, dịch, nhuận thì gọi là thủy. Nếu có sắc, xúc thì gọi là hỏa. Nếu có xúc gọi là phong. Chỉ có thanh gọi là không, riêng có không đại, chẳng phải không Vô vi, cũng chẳng phải không giới sắc. Nếu là nhân năng thuyên và nhân năng duyên

của bỉ, thử, câu, bất câu, trì, tốc gọi là thời. Hoặc là nhân năng thuyên và nhân năng duyên của các hướng Đông tây nam bắc... gọi là phương. Hoặc là chín đức nhân duyên hòa hợp, khởi lên trí tướng của giác, lạc, khổ gọi là ngã. Hoặc là chín đức nhân duyên bất hòa hợp, khởi lên trí tướng của giác, lạc, khổ gọi là ý. Trong đây lấy đức để hiển bày thật thể của nó.

B. Thể tánh của hai mươi bốn đức: Nhân giữ lấy một vật để nung gọi là sắc. Thiệt giữ lấy một vật để nung gọi là vị. Tỷ giữ lấy một vật để nung gọi là hương. Bì giữ lấy một vật để nung gọi là xúc. Nhân thuyên duyên của nhất thật và phi nhất thật gọi là số. Phi nhất thật, là số từ hai trở lên.

Lượng có năm thứ:

1. Vi tánh: Chỉ có hai vi tỷ là các sắc rất thật, các căn, hợp thời có sự tương sinh gọi là hiện lượng. Tông này có ý nói nhân căn mở ra với ánh sáng soi đến chỗ sắc cảnh mới giữ lấy cảnh, như đèn chiếu đến các vật. Bốn cảnh thanh, hương, vị, xúc hiện đến căn mới giữ lấy cảnh, cho nên khi thấy đánh chuông từ xa, lâu xa tiếng chuông vang đến tai mới nghe được. Căn và cảnh khi hợp gần nhau mới có sự tương sinh, đây là liễu tướng có trên quả. Như bộ phái Tát-bà-đa coi nhẹ không thể nói, hoặc có thể khen ngợi thì chỉ coi trọng nơi tướng hình, chẳng phải coi nhẹ. Vi tánh này cũng vậy, chỉ có tối vi (vi tế) mới gọi là vi. Đoạn tánh sau cũng vậy.

2. Đại tánh: Từ ba vi quả trở lên mới có.

3. Đoạn tánh: Chỉ hai vi quả trở lên là có.

4. Trường tánh: Từ ba vi quả trở lên mới có.

5. Viên tánh: Có hai thứ: một là Cực vi: là có trên cực vi chân thật bất hòa hợp của cha mẹ. Hai là Cực đại: là có trên bốn thật: không, thời, phương, ngã, vì bốn thể này chu biến khắp. Nhân của thuyên duyên khác nhau một phi một thật gọi là tánh riêng. Hai tánh trước không đến vật, nay đến thời gọi là hợp, ý này chỉ giữ lấy hợp đầu gọi là hợp, ở đây riêng có ba đoạn:

1. Tùy một nghiệp sinh. Dùng tay đánh trống, tay có động tác hợp với chỗ sinh, nghiệp là động tác.

2. Câu nghiệp sinh: Điều là động tác của hai tay hợp nhau.

3. Hợp sinh: Như các mầm mộng sinh không có động tác, cùng với sự kết hợp của các thật như không, thời, phương... hợp thời mà sinh ra.

Hai loại trên chỉ đến vật mà không đến thời gọi là ly. Đây cũng có ba đoạn: phiên dịch phần thứ nhất và phần thứ hai giống như trên có thể

hiểu, còn phần thứ ba là ly sinh: Trước tạo ra quả trái, do có duyên khác đến quả ly biệt đó, sự thật liền hoại, cùng với các không, thời, phương... ly biệt, sự ly biệt của chỗ sinh gọi là ly sinh. Dựa vào số một, hai... và thật của các thời, phương... mà cảm biết xa sự đối đãi, gọi là tánh kia, vật này là một, vật kia là hai... cho nên thuộc về số. Lúc này, lúc kia nên thuộc về thời. Hương này, hương kia nên thuộc về phương. Tánh này là ngược lại với tánh kia, nên biết tướng của nó. Giác có hai thứ: một là hiện, hai là tỷ. Nghĩa là đến các căn như thật sắc v.v... khi hợp thì có sinh ra liễu tướng, gọi là hiện lượng, tông này ý nói nhãn căn phát ra ánh sáng cho sắc cảnh mới lấy. Như đèn chiếu soi vật thì bốn cảnh thanh, hương, vị, xúc đến căn mới lấy, cho nên xa thấy đánh chuông, hồi lâu mới nghe tiếng, tiếng đến lỗ tai mới nghe. Khi căn và cảnh hợp nhau thì sinh liễu tướng, liễu tướng này là hiện lượng thể. Tỷ có hai thứ: một là kiến đồng cho nên tỷ, kiến không trái với pháp mà tỷ đối với tông quả, như khi thấy khói thì trong tỷ có hỏa...; hai là kiến bất đồng cho nên tỷ. Kiến trái với pháp mà tỷ tông quả, như khi thấy mưa đá thì trong tỷ tổn hại lúa thóc, thấy lúa thóc tổn hại thì trong tỷ có giông gió mưa đá, ưa thích gọi là lạc, bức não gọi là khổ.

Mong cầu các sắc, thanh v.v... gọi là dục. Tổn hại sắc, thanh... gọi là sân. Khi dục tác động thì trước sinh ra sự gắng sức, điều đó gọi là siêng năng mạnh mẽ, phát động thế lực. Nhân của sự rơi rớt gọi là trọng tánh, nhân trôi chảy của ba thứ địa, thủy, hỏa gọi là dịch tánh.

Địa thủy hỏa nhiếp nhân gọi là nhuận. Hạnh có hai thứ: một là niệm nhân, hai là tác nhân. Chỗ sinh ra số, tập, sai biệt của hiện, tỷ, trí, hạnh gọi là niệm nhân, tức là chủng tử của trí. Quãng bỏ chỗ sinh ra thế lực ứng dụng gọi là tác nhân. Hạnh là thế lực ứng dụng. Trong mười câu nói nhiều về tác nhân là thế lực ứng dụng, niệm nhân gọi là hạnh. Pháp có hai thứ: một là năng chuyển, là được nhân của thân đáng yêu, tức là được nhân của thắng thân sinh tử; hai là năng hoàn, là chánh trí hỷ nhân là duyên nhiễm, tức là nhân xuất thế gian, là nhân của chánh trí hỷ, là chánh nhân của chánh trí. Có thể được thân sinh tử không đáng ưa, là nhân của tà trí gọi là phi pháp. Nhĩ giữ lấy một chỗ để nương gọi là thanh.

C. Thể của nghiệp, có năm thứ.

Hoặc là đối với chỗ như hư không v.v... trên dưới, các cực vi v.v... trước hợp sau lìa gọi là thủ nghiệp. Xả nghiệp thì trái lại thủ nghiệp. Nhân của chỗ xa thì trước lìa, chỗ gần thì lìa sau, gọi là khuất nghiệp. Thân nghiệp thì ngược lại khuất nghiệp. Có nhân của thật chất ngại,

trước hợp sau lia gọi là hành nghiệp.

Thể của đồng cú: Là thể tánh chẳng phải không của thật đức nghiệp. Nhân của năng thuyên và năng duyên gọi là đồng. Thể này tức là đại hữu tánh xưa, các pháp đồng có nên gọi là đồng. Luận Câu-xá nói: “Nghĩa của đồng cú chung”.

Thể của dị cú: Thường ở nơi thật chuyển biến, là ngăn che nhân của các đức và tâm, tâm sở, là biểu hiện nhân của thật tánh và tâm, tâm sở, cùng với thật chuyển biến, vật dị thật: Thật là do có dị này đối với đức, nên gọi là dị.

Thể hòa hợp: Có thể khiến cho các thật không lia mà thuộc lẫn nhau, nhân duyên năng thuyên này gọi là hòa hợp.

Thể hữu năng: Ba thứ thật đức nghiệp có khi cùng làm một, hoặc có khi đều riêng, tạo ra các tự quả, nhân quyết định chỗ cần, nhân hoặc nếu không có điều này thì lẽ ra không thể tạo quả.

Thể vô năng: Ba thứ thật đức nghiệp, hoặc có khi cùng làm một, hoặc có khi đều khác nhau, không tạo quả khác, quyết định chỗ cần, nếu nhân không có điều này thì một pháp lẽ ra có thể tạo ra t cả quả, vì có điều này chỉ tạo tự quả, không tạo quả khác.

Thể câu phần: Tức là thể tánh của ba thứ thật đức nghiệp. Trên ba thứ này là chung câu phần tánh, các địa các sắc v.v... là câu phần tánh riêng, lẫn nhau đối với kia không chuyển, chỗ thủ lấy của tất cả căn, xưa gọi là đồng dị tánh, vừa đồng vừa khác nên gọi là câu phần.

Vô thuyết thể:

1. Chưa sinh thì không có: Là lấy cái vô vì nhân duyên của thật đức nghiệp không gặp nhau mà chưa được sinh làm thể.

2. Diệt rồi thì không có: Là lấy thật đức nghiệp hoặc thể của nhân đã hết, hoặc trái với duyên sinh tuy đã sinh mà hoại, Vô vi làm thể.

3. Không có kia đây qua lại: Là thật đức nghiệp kia đây lẫn nhau làm thể tánh.

4. Không có khi không hòa hợp: Là lấy cái vô vì đại hữu tánh và thật đức nghiệp, tùy xứ mà không hòa không hợp, như người xứ kia không hợp với xứ này làm thể.

5. Không có khi rốt ráo: Là lấy cái vô nhân, ba thời bất sinh vô làm thể tánh. Năm thứ này đã không thì thể chẳng thể nói, nên gọi là vô thuyết.

Ba là giải thích các môn: Trong đây có năm thứ:

1. Mười câu đối nhau, một nhiều phân biệt: Đại đồng và hòa hợp, hai chỉ là một vật. Đức, nghiệp, và dị, hữu năng, vô năng, câu phần, vô

thuyết, bảy thứ nhưng nhiều vật. Một loại thật cú vừa một vừa nhiều. Không, thời, phương, ngã, ý, năm thứ là một vật. Địa, thủy, hỏa, phong, bốn thứ nhưng nhiều vật.

2. Mười câu đối nhau thường, vô thường phân biệt: Đại đồng và dị hòa hợp, hữu năng, vô năng, câu phân, sáu câu này là thường, vì chẳng phải sở tác. Nghiệp chỉ có vô thường, nói là năng tác sự và sở tác sự, cho nên thật, đức và vô thuyết vừa thường vừa vô thường. Trong chín thật, có năm là thường và bốn là phân biệt. Địa, thủy, hỏa, phong chẳng phải sở tác, nên là thường. Cha mẹ cực vi chẳng phải sở tác. Sở tác là vô thường. Tử vi trở đi đều là vô thường, năm thứ còn lại là thường. Giác, lạc, khổ, dục, sân, cần dưng, pháp, phi pháp, hạnh, ly, tánh kia, tánh đây, thanh, hương mười bốn đức này trong hai mươi bốn đức là vô thường. Hương của nó chỉ có trên địa, nếu có trên cực vi thì cũng là vô thường, như văn dẫn ở sau, cho nên mười bốn đức này chỉ có vô thường. Mười đức khác hoặc thường hoặc vô thường, tất cả sắc, vị, hương, xúc hoặc địa chỉ là vô thường. Trong nhân môn nói rằng: Hỏa hợp làm nhân, hoặc các sắc, vị, hương, xúc v.v... của địa, đồng loại thì làm nhân, theo đồng loại trước làm nhân sinh, y theo đây mà biết, hương chỉ là vô thường, vì chỉ có địa mới có. Tất cả địa, hỏa của dịch tánh có đều là vô thường. Số của hai tánh v.v... trong số, hai biệt tánh trong biệt tánh, đại tánh trong lượng, vi tánh, đoản tánh, trường tánh, chỉ là vô thường. Viên tánh chắc chắn chỉ là thường, gồm các thứ còn lại như sắc, vị, xúc, một số, một biệt tánh, dịch tánh, nhuận tánh, trọng tánh và hợp, tùy chỗ nương vào thật hoặc thường hoặc vô thường, các thứ này cũng vậy. Có cả thường và vô thường gồm có mười pháp, trong năm vô thuyết, có ba thường, một vô thường, một vừa thường vừa vô thường, vị sinh vô chỉ một bề vô thường, vì cùng trái với thật đức nghiệp, điều này nếu khi sinh thì vô liền diệt. Ba thứ chưa sinh thì không có, đã diệt thì không có, không có khi rốt ráo, chỉ là thường tánh, vì không trái với các thật. Không có khi không hòa hợp vô thì có thường và vô thường, như các địa trong chín thật. Các giác, lạc v.v... trong hai mươi bốn đức vì không tương ứng cho nên chỉ một bề là thường. Hoặc tự thừa nhận đức và tự thừa nhận thật, tuy chưa tương ứng với thường thì chắc chắn một bề tương ứng với vô thường. Như thường và vô thường, sở tác và phi sở tác cũng vậy.

3. Hữu chất ngại vô chất ngại phân biệt: Đức, nghiệp, hòa hợp, hữu năng, vô năng, câu phân, vô thuyết, bảy câu này chỉ có vô chất ngại. Trong chín thật cú có bốn vô chất ngại là không, thời, phương, ngã. Năm thứ còn lại là hữu ngại. Có ý nói là vi, như hai vi quả thừa

nhận đại mà cũng có ngại. Hữu tánh và dị tuy vẫn không nói nhưng cũng là vô ngại, gồm có chín câu vô ngại.

4. Hiện lượng cảnh phi hiện lượng cảnh phân biệt: Tông hiện lượng này là giác trong câu đức, cho nên Luận kia nói rằng: “Giác có hai thứ, một là hiện, hai là tử”. Nghiệp, hữu tánh gồm cả câu phần đều là hiện lượng đặc. Luận tự nói là “Vì các căn đặc, nên không nói cú nghĩa, phi hiện lượng đặc”, Luận cũng tự nói rằng: “Vì chỉ có tử cảnh”, nghĩa của câu hòa hợp, Duy thức nói là “Phi hiện lượng đặc”. Địa, thủy, hỏa, phong, cha mẹ cực vi trong thật cú là phi hiện lượng đặc. Tử vi trở lên là hiện lượng đặc. Sau đây trong phá Thuận Thế và Thắng Luận nói rằng: “Cực vi nhóm hợp đủ để thành căn và cảnh, đâu cần quả làm gì, nên biết như vậy”! Ngoài ra không, thời, phương, ngã, ý cũng chẳng có văn nói, nay giải thích là phi hiện lượng đặc. Thanh trong câu đức chỉ có hiện cảnh, giác, lạc, khổ, dục, sân, siêng năng mạnh mẽ trong đức là ngã hiện cảnh, vẫn không nói lại, nay giải thích nó cũng chỉ có hiện cảnh. Trọng tánh có đủ trong đức, vì đức của thủy và địa, gồm có tám đức chỉ là hiện cảnh. Pháp, phi pháp, một nửa trong hai đức của toàn hạnh, chỉ có phi hiện cảnh. Hạnh này tức là niệm nhân trong hạnh, vì không lấy hết hạnh cho nên là “một nửa”. Sắc, vị, hương, xúc, số, lượng, biệt tánh, hợp, ly, tánh kia, tánh đây, dịch tánh, nhuận tánh và một nửa mười ba đức của thế dụng, gồm cả hai thứ. Thế dụng trong đây là hạnh tác nhân, vì không lấy hết cho nên nói “Một nửa”. Nghĩa của câu dị, hữu năng, vô năng, tuy không có văn nói nhưng đều là phi hiện lượng đặc. Dị chỉ là sự sai biệt của nhân trong chín thật, không giống như câu phần là thật tánh. Chỗ cần thiết nhân của hữu năng và vô năng, cũng chẳng phải là hiện đức. Nói chung thì ba thứ nghiệp, hữu, câu phần chỉ là hiện lượng đặc, năm thứ dị, hòa hợp, hữu năng, vô năng, vô thuyết là năm phi hiện đặc. Hai thứ còn lại đều có cả hai hiện lượng đặc và phi hiện lượng đặc.

5. Sinh quả bất sinh quả phân biệt trong thường vô thường: Duy thức chỉ vấn hỏi về thường sinh quả, tuy có sáu câu chỉ một bề là thường, ba thứ có cả thường và vô thường, một thứ chỉ có vô thường, bốn thứ địa, thủy, hỏa, cha mẹ cực vi phong trong chín thật, vì thường có thể sinh quả. Hữu năng là thường, cũng có thể sinh quả, quyết định chỗ cần thiết khi tạo quả, còn lại năm câu không, thời, phương, ngã, ý trong chín thật, tuy thường nhưng không thể sinh quả. Luận ghi: “Câu đức theo đúng thuyết trong hữu năng có sở cần thiết của đặc quả”. Mười thứ có cả thường đức, cũng có thể sinh quả, tùy chỗ thích ứng. Nghiệp tuy sinh

quả nhưng thể là vô thường. Chẳng phải sở thuyết này, vô thuyết tuy cũng có thường, nhưng không thể sinh quả, vì chẳng phải căn bản. Chỗ giải thích trong đây là chỗ cần thiết của Duy thức. Ngoài ra các môn thật, do mấy đức gọi là hữu đức, cho đến nói rộng thì hầu như là sở tri, chẳng phải Xu Yếu này, cho nên lược bớt, như mười cú nói.

Luận: “Chỗ chấp của Thắng Luận”, đến “sở đắc của hiện lượng”.

Thuật rằng: Trong phá có ba, thứ nhất là nêu tông, thứ hai là chánh phá, thứ ba là tổng kết các điều sai. Đây là thứ nhất, nay nêu có hai đoạn: một là thật hữu, hai là hiện lượng đắc. Nếu nói thật có phá sáu câu đó, sáu câu đều thật. Nay nói đa để hiển bày không phải một pháp, vì ba pháp trở lên đều gọi là nhiều. Hoặc phá thật hữu chín câu, mười câu. Thứ mười là vô, vì phần nhiều là thật hữu cho nên thật nói là nhiều. Trong hiện lượng đắc hoặc phá sáu câu, y cứ năm hiện lượng đắc của văn dưới, nói các thật là chỗ đắc của năm hiện lượng, chỉ nói hòa hợp là phi hiện lượng đắc, cho nên nói nhiều. Hoặc phá mười câu, nói theo câu chung thì dị, hòa hợp, hữu năng, vô năng, vô thuyết là phi hiện lượng đắc, còn lại năm là hiện lượng đắc, nhưng đa trong thật hữu, vì năm hiện đắc và bốn phi hiện đắc nên nói đa là sở đắc của hiện lượng. Câu nói “ngay một là nhiều” chung cho thật hiện đắc. Nhưng nói sáu câu, tức là chấp gốc, cho nên Bách Luận không phá mười câu, Luận này cũng vậy. Nhưng nếu phá cả mười câu thì đối với lý cũng không trái.

Luận: “Chấp kia phi lý”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai, chánh phá các lỗi khác, trong đó có ba phần, phần đầu là chung các lỗi, kế là ngoại đạo hỏi lại, phần thứ ba là phá riêng. Đây là phần đầu.

Luận: “Vì sao?”

Thuật rằng: Ngoại đạo hỏi lại.

Luận: “Trong các câu nghĩa”, đến “Như quả sở sinh”.

Thuật rằng: Đây là phá riêng, trong đó có năm phần:

1. Phá chung các câu.
2. Phá riêng thật và đức.
3. Lại phá chung các câu.
4. Phá riêng đại hữu v.v...
5. Tổng kết phá nghĩa các câu.

Hoặc chia làm ba đoạn:

1. Phá chung các câu.
2. Phá riêng hữu.

3. Kết phá các câu.

Trong phần đầu có ba đoạn:

1. Phá chung.
2. Phá thật và đức.
3. Lại hợp phá.

Hoặc y theo năm đoạn, trong đoạn đầu có hai phá:

1. Phá các câu thường.
2. Phá các câu vô thường.

Trong phá thường lại có hai đoạn:

1. Vấn nạn sinh quả.
2. Vấn nạn bất sinh.

Đây là phần đầu, thể là thường trụ có công năng sinh quả. Cha, mẹ, địa, thủy, hỏa, phong và mười thứ trong đức có cả thường, gồm cả hữu năng thường có thể sinh quả. Phá lượng này nói rằng: “Các thứ này lẽ ra thể cũng là vô thường, vì thừa nhận có thể sinh quả, như quả sởi sinh. Tử vi trở đi đều năng sinh quả, vì thể vô thường. Lại nữa y cứ như trước, chấp nhận có tác dụng sinh quả, như quả sởi sinh. Hoặc nói theo tướng chung, trong các câu nghĩa, thường của quả năng sinh, lẽ ra là vô thường, như quả sởi sinh.

Luận: “Hoặc chẳng sinh quả”, đến “như sừng thỏ”.

Thuật rằng: Ở đây hỏi về các thường trụ của bất sinh quả. Là đại hữu, đồng, dị, hòa hợp, vô năng, câu phân, năm thứ đều là thường. Năm thứ không, thời, phương, ngã, ý trong chín thật là thường, đều không thể sinh quả, trừ ra câu vô thuyết lấy làm thí dụ, lại nữa thể là vô cho nên không có chỗ để phá. Nay dùng Duy thức vấn nạn thì không thể dùng cái không có tác dụng để vấn hỏi, Chân như, hư không là lỗi bất định, vì không có tác dụng. Lượng rằng: “Những thứ này thật thường bất sinh quả, lẽ ra không lia thức mà thật có tự tánh, vì thừa nhận là thường trụ bất sinh quả, như sừng thỏ v.v... Vì tất cánh vô của tông kia là thường trụ, lấy làm đồng dụ, nhân không nói là thường, nên có lỗi bất định. Hoặc các câu khác là vô thường, tuy không sinh quả, nhưng Đại thừa không chấp nhận có thật thể, nếu chấp nhận có thật thể thì cũng chẳng lia thức cho nên không phải bất định. Nhưng giác kia v.v... không lia thức, lẽ ra phạm lỗi tương phù. Nay nói thường trụ tức là trừ các giác, vì các giác nhiếp trong dị dụ. Lại không nói thường trừ giác v.v..., cho là đồng phẩm cũng được. Trong văn, tông v.v... y cứ cho lý phải nên biết. Lại sừng thỏ v.v... cũng không lia thức, kia đây cùng thành, Chân như không cũng chẳng lia thức, không có lỗi bất định.

Luận: “Vô thường”, đến “không thật có tánh”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phá các câu thể vô thường, trong đó có hai phá, một là vặn hỏi hữu chất ngại, hai là vặn hỏi vô chất ngại. Đây là vặn hỏi hữu chất, năm thứ địa, thủy, hỏa, phong, ý trong chín thật đều là hữu chất. Có ý hoàn toàn bốn gốc cha mẹ cực vi là thường, chẳng phải phá trong đây. Nay phá bốn tử vi, hai lượng trong đây: một nói: “Bốn thứ này của ông là vô thường, hữu chất ngại, lẽ ra có thể phân tích, vì có phương phần, như quân và rừng”. Chỉ được hữu chất ngại làm tông, phân biệt các câu khác là vô ngại, vô thường vì không có phương phần. Luận kia thừa nhận thể của quân và rừng có phương phần nhưng có thể phân tích, do nhiều pháp hư giả làm thành quân, rừng, các thật tử vi không như thế, vì thể thật có một chỗ chắc kín không thể phân tích. Quân là bốn loại binh lính, rừng là trúc cây v.v...”. Hai nói: “Các pháp này lẽ ra chẳng thật có, vì có phương phần, như quân rừng”. Cha mẹ cực vi vì có lượng tròn đức hợp, cho nên không có phương phần, trên tử vi có phương phần, ý nói tuy lượng có ngại như tử vi nhưng không có phương phần, thể là thường trụ chẳng phải chỗ ngại này, không có lỗi bất định. Lại, vì có thể phân tích cho nên làm nhân để vặn hỏi phi thật hữu làm lượng thứ ba, vì tông đã bị phá được thành nhân, nhưng dùng lý quán sát thì chỉ có một câu phi thật làm tông. Phương phần có thể phân tích là hai biệt nhân, vì lý của tông kia thừa nhận có thể phân tích, cho nên như cái búa chặt đứt thành nhiều phần. Thêm vào hai chữ “liền” và “lẽ ra” thì văn liền có nhân ngay, nếu không thì tông pháp hoặc có chất ngại làm nhân cũng được.

Luận: “Hoặc vô chất ngại”, đến “có thật tự tánh”.

Thuật rằng: Đây là vặn hỏi về lượng không có chất ngại, chín câu sau đều là vô ngại, bốn thứ không, thời, phương, ngã trong câu thật là vô ngại. Nay phá vô thường vô chất ngại, là đầy đủ mười bốn thứ trong câu đức, mười phần ít và hoàn toàn đủ năm nghiệp, trừ một toàn đủ và một phần ít trong vô thuyết. Là vị sinh hoàn toàn vô, phần ít không kết hợp vô, vì không lia thức. Nay phá Luận kia rằng: “Các pháp này trong tông của ông là pháp vô thường vô ngại, trừ giác ra thì lẽ ra không lia tâm, tâm sở mà có thật tự tánh, vì vô chất ngại, như các tâm, tâm sở giác, lạc...”. Tâm và tâm sở kia tức là giác, lạc v.v... thuộc trong câu đức vô thường vô ngại, cho nên được làm dụ, không có lỗi tương phù cực thành, vì phân biệt với giác, nên tông kia nói chẳng phải lia các tâm, Luận kia nói ý thật là thuộc hữu chất ngại, cũng chẳng phải tâm, hình dáng như hạt cải, chỗ cần có của ngã, chẳng gọi là tâm. Hoặc nếu là

tâm thì dụ đó liền có năng lập bất thành, vì nhân vô chất ngại nên đây không chuyển biến, đồng phẩm cũng không quyết định là hữu tánh, vì chẳng phải tâm. Không có lỗi, nhưng văn này sơ lược cho nên không phân biệt.

Luận: “Lại nữa, sở chấp của họ”, đến “như cứng, ướt, ấm, động”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai, phá riêng thật và đức. Trước là chung tương đối để phá thật, đức, sau là tổng kết lỗi khác nhau của cứng, ướt v.v... Đây là phần đầu, trong phần đầu có hai, thứ nhất lấy đức so sánh với thật, thuộc về thật phi thật. Địa, thủy, hỏa, phong thuộc về câu thật, tánh là hữu ngại. Các pháp như cứng, ướt v.v... là sở nhiếp của xúc đức trong câu đức mà là vô ngại, cùng làm chỗ đắc của thân căn, như cứng, ướt v.v...

Thân căn trong đây cũng được đại hữu, đồng dị, đều ở trong dụ. Hoặc chỉ nói chẳng phải hữu ngại, chẳng nói không thuộc về câu thật, tức là có lỗi trái với tông, câu nói hữu ngại là phân biệt với câu thật thuộc về vô ngại, vì Luận kia không nói là thật của vô ngại. Lại vì đối đãi với sự cứng, ướt v.v... của vô ngại mà nêu ra hữu ngại. Tính vô ngại của câu đức sau đây cũng làm y cứ cho giải thích này.

Luận: “Tức là chỗ chấp kia”, đến “như địa thủy hỏa phong”.

Thuật rằng: Đây là lấy cứng v.v... so sánh với địa v.v..., như văn có thể biết. Tông v.v... như kế tiếp. Nói ấm v.v... này là lấy động, xúc, số, lượng, biệt tánh... mười một pháp. Luận kia nói thân căn được mười một đức:

1. Xúc.
2. Số.
3. Lượng.
4. Biệt tánh.
5. Hợp.
6. Ly.
7. Tánh kia.
8. Tánh đây.
9. Dịch tánh.
10. Nhuận.
11. Thế dụng, tức là hạnh tác nhân.

Các địa, thủy, hỏa, phong, bốn thứ đó đều là chỗ đắc của thân căn, vì đều có xúc. Sắc đức chỉ ở tại ba thứ địa, thủy, hỏa. Trong phong chẳng có sắc, Luận kia lấy giả địa và thật địa đều gọi là địa, cho nên là

chỗ thấy của nhãn.

Luận: “Ba thứ địa thủy hỏa”, đến “y theo điều này phải nên trách”.

Thuật rằng: Tức là lấy địa v.v... so sánh với xanh v.v... mắt thấy làm nhân, che lại làm lượng, nhưng không thể nói là thuộc chẳng phải địa và phi địa, vì trái với tự tông. Lẽ ra nói: “Sở chấp của ông là địa, chẳng phải thuộc về thật địa hữu chất ngại, không phải như chỗ chấp thật có tự tánh thuộc trong câu thật, cho nên không trái với tông, mắt kia cũng không thấy mười một đức, trừ xúc thủ sắc làm lượng, nên biết.

Luận: “Nên biết không có thật”, đến “thật địa thủy hỏa”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết các lỗi, địa, thủy... kia khác với cứng, ướt v.v... Địa của Đại thừa tức là kiên, khéo mở chánh nghĩa, nhưng không thể nói sắc tức là địa. Nay chỉ có thể lấy tướng kia đây làm ví dụ với địa phi thật phi đức v.v... không phải thấy. Lại, nói địa v.v... không khác với cứng v.v..., sự chẳng phải thấy của địa v.v... không thể nói sắc lìa địa v.v... không có văn nói, ý chung là nói sự khác nhau. Lại nữa, lẽ ra nói địa v.v... là không phải chỗ thấy của nhãn, vì thuộc về câu thật, cũng như phong v.v... Văn trong đây sơ lược, cũng chẳng phải các địa... là ý này. Luận kia không nói địa, nhĩ... sở chấp của ba căn, cho nên trong đây chỉ phá kiến và xúc. Từ đây trở xuống là phần thứ ba lại phá thật v.v...

Luận: “Lại nữa, sở chấp của họ”, đến “lẽ ra là vô thường”.

Thuật rằng: Trong nghĩa câu thật, hữu ngại là thường, tức là địa thủy hỏa phong, cha mẹ cực vi và ý, đó là ngại. Năm pháp này lẽ ra vô thường, vì đều có ngại, như đất thô kia tự chấp pháp đất thô là vô thường. Tông, nhân, dụ v.v..., như văn có thể biết.

Luận: “Trong nghĩa của các câu”, đến như địa thủy hỏa phong”.

Thuật rằng: Dưới đây phá các câu pháp không có chất ngại, sở thủ của sắc căn, tức là năm thứ sắc, vị, hương, xúc, thanh trong câu đức và mười thứ như số. Nghiệp và đại hữu, câu phần ba thứ là tánh của sắc v.v..., đều là chỗ chấp của sắc căn. Pháp vô ngại này lẽ ra đều có chất ngại, vì thừa nhận là sở thủ của sắc căn, như bốn thứ địa thủy hỏa phong. Trong đây thừa nhận nói đại hữu v.v... tông của ta không thừa nhận thể tánh là có, và sắc căn thủ. Nương vào Luận nói, căn có năm loại: Tỷ căn tức là địa, thiệt căn tức là thủy, nhãn căn tức là hỏa, bì căn tức là phong, nhĩ căn tức là không. Điều này đối với các câu thì nó thuộc về pháp nào? Theo chánh giải này, tức là khi không chấp lấy thanh của câu thật, đối với thân khởi tác dụng thì gọi là không nhĩ căn, hoặc gọi là

định nhĩ căn. Vả lại mười một đức đối với tự căn của nó mỗi mỗi phân biệt đều có một lượng, hoặc nhị nhị hợp, hoặc tam tam hợp, cho đến đều đối với các căn mà nói lượng. Nghĩa đó càng nhiều, vì văn trong đó đều không có phân biệt.

Luận: “Lại, chỗ chấp của họ”, đến “như con của gái đá”.

Thuật rằng: Trong mười câu này trừ ra câu thật thì còn lại tám câu, nghĩa đều chẳng thật, nhưng ở đây chỉ lấy câu hữu thể, có ý nói rõ Duy thức trái lại làm lượng. Vả lại muốn dứt bỏ thật phá tám câu còn lại, lượng rằng: “Phi thật và giác, lạc v.v..., các đức khác tám câu hữu thể, lẽ ra không lia thức mà có tự tánh riêng, ông thừa nhận trừ các tâm ra không phải thuộc trong câu thật, như con của gái đá, con của gái đá không có pháp. Kia đây không thừa nhận ngoài thức có tánh. Trừ các tâm ra mà nói, chọn giác thì e rằng phạm một phần lỗi tương phù, văn lược không phân biệt. Nhưng Chân như của Phật pháp tức là thức tánh, cũng chẳng phải lia thức, không có gì mà chẳng phải lỗi bất định. Lý của hư không và trạch diệt chẳng phải ngoài tâm, nhưng tạm mượn làm dụ, để thành tựu tỷ lượng của tông khác. Lại trong đó, tông lẽ ra nói rằng: “Chỗ chấp của ông phân biệt lỗi sở biệt bất cực thành”. Lại, nhân có chỗ khác tùy theo một lỗi, là hỏa trong thật chẳng khác với xúc trong đức, nhưng dựa vào tông khác để soạn Luận thì lẽ ra không có lỗi này, cho nên nhân phân biệt lẽ ra nói rằng: “Vì ông thừa nhận thuộc về phi thật, đã nói tự mình không thừa nhận, tức là lấy phi thật làm nhân”. Phá tám câu khác, mỗi mỗi đều trừ bỏ riêng để làm tám tỷ lượng, kể đến lấy phi hữu làm nhân để phá tám câu khác.

Luận: “Thật của phi hữu”, đến “như hoa đốm trong hư không”.

Thuật rằng: Không lấy các phi đức làm nhân, lấy phi hữu làm nhân, trong đó hiển bày phương hướng khiến cho biết một pháp, nhiều pháp không lia thức. Lại, hữu v.v... là tự tánh của thật, cho nên nêu nó ra ngay. Lượng rằng: “Tánh phi hữu và giác, lạc v.v... ở ngoài các câu thật khác, lẽ ra không lia thức mà có tự tánh riêng, vì thừa nhận sở nhiếp của tánh phi hữu, như các hoa đốm trong hư không”. Văn lược qua, không phân biệt giác, lạc v.v..., trong đây phân biệt như trước nên biết. Ở đây chỉ chia một hữu tám tỷ lượng, hoặc chia hai hữu hai tỷ lượng, hoặc ba hữu ba tỷ lượng, cho đến chia tám câu tỷ lượng rất dễ biết. Trước thì các thật... là pháp nhiều thể, hiện tại thì các hữu v.v... là pháp một thể. Lại, phải phá riêng chín câu, nhưng trong pháp nhiều thể lấy thật làm đầu, trong một thể pháp thì lấy hữu làm đầu. Kế là phần thứ tư phá riêng tánh của các hữu v.v...

Luận: “Chỗ chấp hữu của họ”, đến “như thật đức v.v...”.

Thuật rằng: Trong đó có ba đoạn:

1. Phá đại hữu.
2. Vấn hỏi về đồng khác.
3. Phá hòa hợp.

Trong phần thứ nhất lại có bốn phần, đây là phần đầu. Họ chấp thật ngoài hữu pháp, chấp riêng có tánh của một đại hữu, có thể có các pháp. Nếu pháp không có tánh này tức là thể phi hữu, như lông rùa v.v..., cho nên nay phá: “Chỗ chấp đại hữu tánh của tông kia, lẽ ra là tám câu trong chín thật, không có tự tánh riêng, vì tông của ông thừa nhận là chẳng phải không có pháp”. Như các thật, đức v.v..., chẳng thủ nghiệp v.v..., không nói tám câu có lỗi bất định, hoặc chỉ nói là ba câu cũng được. Câu dị v.v... chẳng phải hai cộng thành, không có lỗi bất định, hoặc ngăn lỗi quyết định trái nhau mà nói sự thù thắng của tám câu. Nhân chẳng phải không, chỉ vì Luận kia thừa nhận có trong hữu tánh. Lời nói thừa nhận lược qua tự tùy theo một lỗi. Thật thừa nhận chẳng phải không là thật mà không có riêng, hữu tánh thì thừa nhận là chẳng phải không có. Lẽ ra ngoài thật thì không có riêng, vấn nạn khiến cho ngoài thật không có hữu tánh riêng, lại cũng khiến cho là thật tức là tánh phi hữu.

Luận: “Hoặc là thật v.v...”, đến “như rốt ráo v.v...”.

Thuật rằng: Tất cả nhân trong đây, hoặc khác với hai, khác với ba, khác bốn, năm cho đến khác với tám đều được. Hoặc khác với tám thì mỗi mỗi đều có tám tỷ lượng, khác với hai, ba... thì tùy tự tính toán mà chấp lấy. Lượng rằng: “Nếu là ngoài tám câu thật thì lẽ ra không phải hữu tánh, vì ông thừa nhận khác với thật, như rốt ráo Vô đẳng đẳng vị sinh Vô đẳng”, tông kia trừ thật ra, còn lại tám câu đức đồng với lông rùa v.v..., đều gọi là khác với thật, tạm lấy rốt ráo vô làm thí dụ. Lại, nay lấy nghĩa của tám câu làm hữu pháp, chỉ lấy Vô vi làm đồng pháp dụ. Lại vấn hỏi nữa khiến cho trên hữu tánh càng phải lập hữu tánh.

Luận: “Như có chẳng phải không”, đến “có hữu tánh riêng”.

Thuật rằng: Như hữu tánh chẳng phải là hữu tánh của vô pháp, không có riêng hữu của hữu tánh. Các thật cũng phi vô thì làm sao có hữu riêng. Lập lượng rằng: “Hữu tánh của ông lẽ ra có hữu tánh riêng, vì thừa nhận phi vô, như thật, đức v.v...”. Nhân trong đây có đồng dị không nhất định, cũng thừa nhận thể là phi vô, vì không thừa nhận có hữu. Đó chẳng phải cực thành, không phải bất định. Lại nữa, chọn lấy trong chỗ vấn nạn, trong đó phân biệt như trước nên biết.

Từ đây trở xuống, chỗ nào có tỷ lượng thì lược qua đều y theo nên biết, lại cũng không cần chỉ ra thêm rườm rà. Kế là đuổi theo, khiến cho vô pháp có vô tánh riêng.

Luận: “Hoặc lìa hữu pháp”, đến “có vô tánh riêng”.

Thuật rằng: Thể của vô tánh chẳng thật có, trên vô không lập vô. Thể của hữu pháp là phi vô, đâu cần phải lập riêng hữu. Luận kia hoặc nói hữu pháp tuy phi vô, nhưng vì phi vô không thể tự có, cho nên phải có hữu. Lẽ ra cũng vô pháp chẳng tự có, cho nên ngoài vô pháp mà lập riêng vô? Câu cật vấn này thường trái với sự vấn nạn? Lượng rằng: “Câu thứ mười của ông, ngoài vô pháp lẽ ra lập tánh riêng”. Nhân nói rằng: “Trừ sáu câu đại hữu, đồng khác, hòa hợp ra, còn có hai pháp hữu vô trái nhau, như thật, đức, nghiệp”. Trong nhân không nói trừ đại hữu v.v..., tức có lỗi bất định, vì như thật, đức trái với vô. Ngoài pháp vô lập tánh riêng, là như các đại hữu trái với pháp vô. Ngoài pháp vô không lập tánh riêng, cho nên nay nói đơn giản trừ sáu câu hữu ra.

Luận: “Nó đã không như thế”, đến “chỉ có vọng chấp”.

Thuật rằng: Tổng kết các lỗi. Vô kia đã không lập tánh riêng, nhưng hữu tánh lẽ ra không phải vậy, cho nên hữu tánh của họ chỉ có vọng chấp. Đoạn nhỏ thứ hai vấn hỏi đồng khác, Luận kia chấp đồng khác là thể tánh của các thật đức, mà chẳng phải tức là thật đức. Điều này có nhiều pháp cho nên nay phá.

Luận: “Lại nữa, sở chấp kia”, đến “như đức nghiệp v.v...”.

Thuật rằng: Tánh của thật, đức, nghiệp là tánh của đồng khác. Là thật đức nghiệp, lý chắc chắn không như thế, tánh của đồng khác này cũng chẳng phải tánh của đồng khác. Lập lượng chung rằng: “Sở chấp tánh thật đức nghiệp của ông, lẽ ra không phải tánh của thật đức nghiệp, vì khác với thật đức nghiệp, như hòa hợp v.v...”. Trong đây vô và hữu tự nói lỗi trái nhau, vì trong tông nói rằng: “Sở chấp của ông, chẳng phải tôi thừa nhận có tánh của các thật, nhưng nay lại nói chẳng phải tánh của các thật”, vì muốn trái với điều này cho nên không có lỗi đó. Nhưng nay ba thứ thật đức nghiệp trong tông, được nêu trong dụ, lại lấy các đức, nghiệp v.v... làm thí dụ, trong đây lẽ ra phân biệt rằng: “Thật tánh của ông, lẽ ra chẳng phải thật tánh, vì khác với câu thật, như đức nghiệp. Đức tánh của ông lẽ ra chẳng phải đức tánh, vì khác với đức, như thật nghiệp”. Nghiệp lẽ ra cũng như vậy, so sánh rất dễ biết. Lại làm dụ lẫn nhau, nhưng ở đây có lượng riêng mà không có lượng chung. Hai hợp có ba, ba hợp có một, làm lượng có thể biết, cái gọi là thật đức nghiệp trong đây, tức là mỗi riêng coi ngay câu đó làm tông. Nói tánh của thật, tức là

tánh của đồng khác cho nên riêng. Văn cũng nói “như đức nghiệp” là chỉ nêu dụ của câu thật, lấy dụ của đức cho là thật nghiệp v.v..., lấy dụ của nghiệp cho là thật đức. Kế đó lại cũng khiến cho thật chẳng phải thật, đức chẳng phải đức, nghiệp chẳng phải nghiệp.

Luận: “Lại, lẽ ra các thật”, đến “như đức nghiệp thật v.v...”.

Thuật rằng: Lại phá các thật, chẳng phải chỗ chánh nói, lượng rằng: “Thật lẽ ra chẳng thật, vì khác với tánh thật, như đức nghiệp”. Đức nghiệp lại đối với nhau làm lượng, như thật có thể biết. Văn nói “như đức nghiệp thật v.v...” là nêu dụ của thật, tức là đức nghiệp ở trong dụ của thật, nhưng nêu ra Đẳng thủ nghiệp và Đẳng nghiệp dụ là thật và đức. Tông trong văn nói đều đơn giản, chỉ nói “thật lẽ ra chẳng phải thật v.v..., vì khác với tánh thật”. Hai hợp ba hợp y theo trước có thể biết.

Luận: “Các tánh của địa v.v...”, đến “y cứ theo đây nên biết”.

Thuật rằng: “Ông nói tánh địa lẽ ra chẳng phải tánh địa, vì khác với địa, như hỏa v.v...”. Hỏa v.v... đều đối lại nhau cũng như thế. Chín loại trong thật, mỗi loại đều đối lại nhau có chín tỷ lượng, đức có hai mươi bốn loại, nghiệp có năm loại, hợp chung là ba mươi tám loại, xét kỹ lại có bảy mươi sáu, mỗi loại hai với hai hợp chung, ba với ba hợp chung, mà có vô lượng. Phần thứ hai đúng ra lượng rằng: “Địa lẽ ra chẳng phải địa, vì khác với tánh của địa v.v..., như hỏa v.v...” nhưng há không trái với lỗi của tự tông sao? Sao ông nói địa chẳng phải địa? Điều này không đúng, ở đây lẽ ra nói rằng: “Chỗ chấp của ông, địa lẽ ra chẳng phải địa của thật, ý nói phân biệt ra, vì địa trong tông của tôi chẳng phải địa của thật, là giả lập, lại chẳng phải địa trong câu thật”. Luận kia cho rằng hỏa v.v... cũng chẳng phải địa trong câu thật, không có lỗi bất định. Lượng trước lẽ ra phân biệt, vì lời văn lược.

Luận: “Như các thật tánh”, đến “không có thật tánh riêng”.

Thuật rằng: Vấn nạn khiến cho lìa thật, không có tánh đồng khác. Lượng rằng: “Ngoài thật v.v..., lẽ ra không có tánh đồng khác, vì chẳng phải chỉ có một, như tánh đồng khác”. Nếu các thật tánh không có tánh của các thật riêng thì các thật lẽ ra cũng không có thật tánh riêng, bằng với tánh của các đức, ngăn ra và hợp chung đồng và khác thì có tánh của đồng và khác, chính cái tánh của các thật lẽ ra lại có tánh của các thật, vì chẳng phải một pháp, các pháp như thật v.v..., tánh của thật là tánh của đồng khác, nhưng các thật mỗi thứ đều khác, nghĩa tương tự ngoài các thật, lập riêng tánh thật, tánh của thật v.v... tương tự không phải một, lẽ ra lại lập riêng tánh của thật v.v... Câu nói “tương tự” phân

biệt với “không tương tự”, đây tức là lấy ví dụ của các tánh đồng thật. Hoặc chung hoặc riêng đều có tỷ lượng, trong đây chỉ có chung mà không có riêng. Biệt số như trước, nhưng vẫn chỉ có lấy tánh đồng thật làm ví dụ, không lấy thật đồng tánh làm ví dụ. Hoặc phá nghĩa của sáu câu tức là không có lỗi trái nghịch, hoặc phá mười câu thì có lỗi bất định. Dị và hữu năng chẳng phải một tương tự, vì không có tánh riêng. Nay cũng cho là trong chỗ lập, lẽ ra khiến cho có tánh riêng, lệ đồng với thật v.v... cũng không có lỗi. Lại, chẳng phải pháp cực thành cho nên không có lỗi bất định.

Luận: “Hoặc lìa thật v.v...”, đến “có tánh của phi thật v.v...”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống lại lấy phi thật làm ví dụ vấn nạn các thật, là ngoài thật v.v... có tánh của thật các, lẽ ra lìa phi thật v.v... mà có lập tánh của phi thật v.v... Và lại, nếu trừ thật, đức, nghiệp ra thì đều gọi là phi thật, phi đức, phi nghiệp, tức còn lại sáu câu và vô pháp. Pháp hữu thể chỉ là sáu câu, nay nói bảy câu lẽ ra có phi thật tánh, khác với tánh của thật, như đức, nghiệp. Đức, nghiệp đối nhau cũng vậy. Lại, tuy biết các đức đều gọi là phi thật thì tánh nó tức là thuộc về phi thật tánh. Nhưng hợp chung tám câu đều là phi thật tánh và pháp vô, không có một đại nào riêng mà chẳng phải thật tánh bao gồm chín pháp, cho nên làm lượng. Lượng rằng: “Trừ thật ra còn lại chín, lẽ ra có một tổng tánh riêng, trong thật mà phi thật, vì thuộc bất cứ một pháp nào, như câu thật, lượng này tuy thành, nhưng có thể làm ví dụ thẳng, không khiến cho lập thật tánh, đâu cần phải lập phi thật tánh, sẽ trái với tự tông. Nếu không như vậy thì trên một đức, kia nói cũng có phi thật tánh, cho nên phạm lỗi tương phù. Chẳng phải tánh của đức v.v... làm ví dụ cũng nên như thế, cho nên Luận nói “vân vân”.

Luận: “Luận kia đã không như thế”, đến “chỉ giả lập bày”.

Thuật rằng: Tổng kết các lỗi, phi thật của họ đã không như vậy, lại không có phi thật tánh. Các thật vì sao như vậy? Lại có tánh của thật v.v..., cho nên tánh của đồng và khác chỉ là giả lập bày.

Luận: “Lại, chỗ chấp của họ”, đến “như rốt ráo vô”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống đoạn nhỏ thứ ba là phá nghĩa của câu hòa hợp. Trong pháp của Phật ta, không trái nhau giả lập hòa hợp, nhưng chỗ chấp của họ có một pháp riêng, là thật, là thường, là pháp năng hòa hợp. Có thể khiến cho thật v.v... không lìa nhau, tương thuộc lẫn nhau, lìa nhau không tương thuộc lẫn nhau, tức là không hòa hợp cho nên phá. Lượng nói: “Như chỗ chấp của họ, nghĩa của câu hòa hợp, nhất định chẳng thật có, vì thừa nhận chẳng phải hữu tánh, và các pháp

của tám câu nhiếp trong phi thật, như rốt ráo vô, tức là sừng thỏ. Thể là một pháp, nêu ra phi hữu làm nhân, thể là nhiều pháp, nêu ra chẳng thật làm nhân, cho nên trong nhân nói rằng chẳng có thật. Lại nữa, tánh thể là riêng, trong đó tông và nhân có chỗ phân biệt, như trước nên biết. Lại, Luận kia chấp gốc nghĩa sáu câu, là năm câu hiện lượng sở đắc ở trước, trong nghĩa mười câu thật, đức, nghiệp, hữu, câu phần là chỗ đắc của hiện lượng, chính đây là sự hòa hợp chẳng phải hiện lượng đắc, cho nên nay phá.

Luận: “Luận kia thừa nhận thật v.v...”, đến “mà có thể thật có”.

Thuật rằng: Luận kia thừa nhận thật v.v... là hiện lượng sở đắc, vì chứng cứ rõ ràng, như trước đã nêu câu hỏi. Còn phi thật hữu là nhắc lại lỗi ở trước, hướng chi họ tự thừa nhận nghĩa của câu hòa hợp chẳng phải hiện lượng đắc, vì chứng cứ không rõ ràng có thể là thật có. Tuy chẳng thật có nhưng gặp câu hỏi này rồi như lại nói năng.

Luận: “Nếu chấp hòa hợp”, đến “cũng chẳng thật có”.

Thuật rằng: Hoặc chấp hòa hợp cũng là chỗ đắc của hiện lượng, đạo lý của thật v.v... như trước cũng bị phá, cũng chẳng thật có. Lượng rằng: “Tánh của hòa hợp chẳng thật có, vì mười câu như thật v.v..., tùy theo mỗi thứ mà nhiếp, như thật, đức v.v... Thật, đức v.v... trước đã bị phá rồi, cho nên được làm lượng. Chỗ phá này chuyển chấp cũng là hiện lượng đắc.

Từ trên đến đây phá xong chung và riêng, từ đây trở xuống quy kết về môn Duy thức mà phá chung.

Luận: “Nhưng thật v.v... kia”, đến “như lông rùa v.v...”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ năm, là phá chung sáu câu, nhưng Luận kia chấp không có gì chẳng phải lìa thức mà có, cho nên phá chín câu. Trước là phá các thật lìa tự thể của thức rốt ráo không thật có. Kế đó phá trí duyên thật v.v..., chẳng phải là trí hiện lượng của duyên thật. Phần đầu tỷ lượng nói: “Họ chấp thật v.v... là hữu pháp, chẳng phải là hiện lượng sở đắc, là pháp do duyên lìa thức mà thật có tự thể, gọi chung là tông, vì ông thừa nhận là sở tri, cho nên như lông rùa”. Ở đây không có dị dụ, tông kia chấp các câu của thật đức này ngoài nhân duyên thức ra, thật có tự thể hiện lượng sở đắc, cho nên nay phản đối. Hiện lượng là năng duyên, trong đây ngăn phi là sở đắc của cảnh tự thể trí hiện lượng do duyên lìa ngoài thức, chẳng phải là cảnh sở đắc giả có tự thể hiện lượng do duyên không lìa thức, nghĩa tuy là cảnh sở đắc của các tâm nhân duyên không lìa thức, vì chẳng chắc chắn là sở đắc của hiện lượng. Câu nghĩa của thật v.v..., tông kia nói là lìa thức có tự

thể, tâm năng duyên kia gọi là hiện lượng, các câu của thật kia là sở đắc của hiện lượng này, gọi là câu nghĩa của thật v.v..., là hiện lượng sở đắc của tự thể lia thức thật có, nay phản đối. Lại nói duyên, e rằng lạm dụng Trì nghiệp thích. Nói lia thức thật có tự thể, tức là hiện lượng, hoặc lấy sự lia thức thật có tự thể thuộc về năng duyên hiện lượng, tức là tất cả pháp tâm, tâm sở của hai tông kia đây, cũng chẳng phải lia thức mà thật có tự thể, thuộc năng duyên hiện lượng tức là tất cả tâm, tâm sở của hai tông kia đây cũng chẳng phải lia thức mà thật có tự thể. Giác v.v... tức là tâm và tâm sở, phạm lỗi trái với tông, để làm giảm bớt lỗi này, cho nên nói duyên để hiển bày Y sĩ thích. Duyên hiển năng duyên, chẳng phải lia thức mà có hiện lượng đắc các câu nghĩa của các thật. Lại, hoặc không nói duyên tức là không có chỗ phân biệt. Giác, lạc v.v... đó cũng nhập vào pháp, tức là có một phần lỗi tương phù. Luận kia cũng nói là hiện lượng đắc không lia thức, do đây nên hợp chung câu nghĩa của các thật gồm có hai phần là pháp tâm, tâm sở của các giác kia gồm có một phần, các pháp còn lại làm một phần, pháp năng duyên đó gồm có ba phần. Một là chỉ duyên chẳng phải pháp tâm, tâm sở của thật v.v... Hai là chỉ duyên pháp tâm, tâm sở của giác v.v... Ba là hợp chung cả hai lại thành cảnh. Nếu Luận rằng: “Nhưng thật v.v... kia không chỉ có duyên lia thức mà có tự thể chỗ đắc của hiện lượng, phân biệt giác v.v... không lia tâm trong đức”, e rằng phạm lỗi trái tông và tương phù. Chữ “chỉ có” là phân biệt riêng chỉ duyên với thật v.v..., có thể đặt chữ “chỉ có” ở trước hai chữ “thông duyên” tức là phân biệt không dứt, vì giác, lạc v.v... cũng theo thật v.v..., là lia thức mà thật có tự thể chỗ đắc của hiện lượng, thật v.v... cũng theo giác, là không lia thức mà thật có tự thể hiện lượng đắc. Nay phân biệt hết, chỉ nên nói chung là “chẳng duyên lia thức v.v...”, vì duyên chung đó cũng là chỗ phân biệt. Vì phân biệt các lỗi như vậy, cho nên chỉ nói “duyên” mà không nói “chỉ có”. Trong đây đều là chỉ có một lượng, y theo trí năng duyên thì mỗi thứ đều có chín tỷ lượng riêng, hoặc hai hợp với hai, hoặc ba hợp với ba. Nghĩa y cứ nên biết.

Luận: “Lại nữa, duyên với thật trí”, đến “như đức trí v.v...”.

Thuật rằng: Lượng thứ hai nói rằng: “Trí duyên thật, chẳng phải tự thể của câu thật do duyên lia thức thuộc về trí hiện lượng, vì giả hợp sinh, như đức trí v.v... kia, kia chấp là lúc duyên thật trí sinh. Giả hợp sinh, là duyên chín thật, đại hữu cùng với dị tùy tất cả đức. Thật tánh của đồng dị v.v... phát sinh trí này, nhưng các đức trí đều là giả hợp sinh, vì cũng duyên nhiều pháp giả hợp sinh, tức là chẳng phải duyên

thật thuộc về trí hiện lượng. Trí của sự duyên thật cũng là giả hợp sinh, lẽ ra chẳng phải trí của hiện lượng duyên thật, hoặc giải thích như vậy. Không có duyên riêng đức, trí có thể lấy làm dụ thì hợp với duyên. Hữu và hòa hợp thì có tất cả và chỗ hợp, không giải thích như vậy. Trí duyên đại hữu và hòa hợp chẳng phải giả hợp sinh, do lý đó cho nên nay lại giải thích. Trước hết, giả hợp sinh là sự hiển bày nhờ nhiều pháp, vì nương vào nhân giá vào duyên thì trí mới sinh. Như khi ý duyên với thật thì dựa vào các nhân duyên của ngã hợp với pháp hạnh và phi pháp hạnh của đức mới sinh duyên với câu thật. Đức trí đó cũng vậy. Hữu và hòa hợp cũng vậy, thừa nhận có duyên hữu riêng và hòa hợp lấy làm cảnh, nhưng chẳng cần cùng với cảnh của thật, đức v.v... hợp mới có thể duyên, vì trí năng duyên dựa vào nhiều pháp mà khởi, gọi là giả hợp sinh cũng không có lỗi. Trước giải thích cảnh phải có nhiều mới có thể sinh trí, sau giải thích cảnh chỉ có một mà nhờ nhiều duyên sinh, danh giả hợp sinh, chỗ chấp của nhà kia là trí duyên thật, tức là duyên hiện lượng với thật là ngoài thức, nay phản đối điều đó. Trí này chẳng phải nghĩa của trí hiện lượng của thật duyên là thức.

Luận: “Nói rộng cho đến”, đến “trí như thật”.

Thuật rằng: Đây là làm ví dụ để phá, như vẫn có thể biết. Ở đây phá sáu câu cho nên đến hòa hợp thì nghĩa và chín câu mỗi câu kết hợp, gồm cả trước có chín, hoặc hai hợp chung y theo trước nên suy nghĩ. Trước phá cảnh thật, chẳng phải chỗ đặc của hiện lượng do duyên là thức. Nay ý chính là phá trí của các thật duyên là thức, chẳng phải trí hiện lượng. Ý nói thật ở trước chẳng phải là cảnh sở đặc của hiện lượng duyên là thức, thật trí sau chẳng phải là cảnh nhiếp trong trí hiện lượng duyên là thức. Nhân thức v.v... tuy duyên nhiều sắc giả hợp mà sinh, chẳng phải duyên thật trí, không có lỗi bất định. Trước nói hòa hợp chẳng phải hiện lượng đặc, nay ngăn che hiện lượng là ý, cho nên không có lỗi trái nhau, y theo đây mà biết, cảnh sáu thứ là hiện lượng đặc. Lại, giải thích cảnh y theo gốc chấp phá năm thứ chẳng phải hiện lượng đặc, trí y theo ngọn chấp phá sáu thứ chẳng phải trí hiện lượng, ảnh hiển lẫn nhau.

Luận: “Cho nên Thắng Luận”, đến “chỗ lập bày hư vọng”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ ba tổng kết các lỗi. Ý nói chỉ là chỗ biến thành của thức tâm là chỗ lập bày của vọng tình.

Từ đây trở xuống là phần thứ ba, phá các chấp phụng thờ trời Đại tự tại, tức là chấp nhân bất bình đẳng. Hoặc nói Mạc-hê-y-thấp-phạt-la là trời Đại tự tại, hoặc nói Ma-hê-y-thấp-phạt-la là người kính thờ Đại

phạm. Như nói Phật-đà là Giác giả, Bão-đồ-hám là người thờ Phật. Nay phá người chấp kính thờ Đại tự tại. Họ chấp pháp thân của trời này là thường khắp, thân lượng như hư không, không có chỗ ở riêng, thân biến hóa của vị trời này thì có chỗ ở riêng.

Luận: “Có chấp có một”, đến “có thể sinh ra các pháp”.

Thuật rằng: Trong đây có hai phần: một là nêu bày; hai là bác bỏ trời Đại tự tại, tức là bác bỏ bốn nghĩa:

1. Thể là thật có.
2. Khắp tất cả.
3. Thường trụ.
4. Sinh ra tất cả pháp.

Loại chấp như vậy ở phương Tây rất nhiều, trước là nêu chấp.

Luận: “Vì sao chấp điều phi lý kia?”

Thuật rằng: Luận chủ tổng kết các lỗi, họ nêu bằng cơ ngược lại.

Luận: “Hoặc pháp năng sinh”, đến “vì chẳng phải chân thật”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phá riêng có hai phần:

1. Phá bốn tông.
2. Vấn nạn nghĩa chống chế.

Phần đầu có năm lượng: Thứ nhất là lập lượng phá thường trụ. Từ dưới lên trên là nhân, là tông, hoặc lấy nghĩa thủ, như lý nên suy nghĩ. Lượng rằng: “Trời Đại tự tại quyết định chẳng phải thường, vì là năng sinh, như địa, thủy, hỏa v.v... ngoài ra vì năng sinh tha, cho nên phải từ vật khác sinh. Trong đây chỗ nói năng sinh tha nhân được quán chung xuống hai tông biến khắp và thật, tức là dùng pháp phá xong mà làm nhân, nương nhau mà Luận, không như thế thì tùy một bất thành, vì kia không thừa nhận trời Đại tự tại là chẳng phải thường thì trời Đại tự tại quyết định không phải khắp, vì phi thường, như các vật bình v.v... Lại, chẳng phải chân thật, vì không khắp, như các vật chậu v.v... Nay ở đây đã lấy phi chân thật làm pháp, tức là lược qua các pháp tâm, tâm sở, là có một cách hư huyền, chẳng phải thật có, Chân như không như thế, cho nên thừa nhận là khắp.

Luận: “Thể đã thường khắp”, đến “đốn sinh tất cả pháp”.

Thuật rằng: Phá lại, thể đã khắp mà lại là thường, vì khắp thì làm sao không ở tất cả chỗ, vì thường thì làm sao không ở tất cả thời, năng sinh các pháp, là như nó hiện sinh các xứ cho đến thời v.v... khắp và thường là hai nhân, hai lượng trong đây và ba lượng trước là năm.

Luận: “Đợi dục và duyên”, đến “trái với một nhân”.

Thuật rằng: Đây trái với tự tông: “Nếu ông cho rằng thể tuy thương

khấp, vì đời lạc, dục và cả đến duyên, các pháp không sinh tất cả xứ và tất cả thời. Nay tông của ông nói rằng chỉ có một pháp đại tự tại làm nhân, lại nói đời các chúng sinh dục và các pháp duyên, tức là nhiều pháp làm nhân, há không trái với Nhất Nhân Sinh Luận?

Luận: “Hoặc dục và duyên”, đến “vì nhân thường có”.

Thuật rằng: Nhân của đại tự tại có tất cả thời, vì là thường, sao không có chúng sinh dục, và duyên sinh nhanh tất cả thời? Lượng rằng: “Ông nói không có dục, và khi duyên khởi thì dục và duyên lẽ ra cùng khởi, vì thừa nhận thể của trời Tự tại là hằng hữu, như ngoài khi khởi ra thì điều này đồng như Du-già quyển 6, quyển 7 nói, không thể dẫn ra rườm rà.

Từ đây trở xuống là phần thứ tư phá bảy chấp của ngoại đạo, cứ như trên nên biết.

Luận: “Ngoài chấp có một”, đến “hư không, ngã v.v...”.

Thuật rằng: Tiếng Phạm là Phạm vương, đây là chỗ chấp của người thờ phụng Phạm vương. Từ đây trở xuống đều theo chỗ chấp nơi phụng thờ để đặt tên, cho đến người thờ ngã cũng vậy. Có ngoại đạo chấp đây là thường, là một, hay sinh tất cả pháp, hoặc chấp có một thời là một, là thường, năng sinh các pháp, hoặc có chỗ chấp phương cũng như vậy, là một, là thường, hay sinh muôn pháp. Đây là phá chấp năng sinh có một riêng. Trên phá chấp của thật hữu Thắng Luận v.v... cho nên không đồng. Bản tế tức là lúc ban đầu của quá khứ, tất cả hữu tình lúc này, từ một pháp bản tế này mà sinh ra. Tế này là thật là thường, năng sinh các pháp. Người xưa nói: “Các bộ có chấp, chúng sinh lúc đầu, cùng đồng như đây”. Tự nhiên là có riêng một pháp là thật là thường gọi là tự nhiên, khéo sinh muôn pháp. Như vậy mới là ngoại đạo phương này, cũng chấp có tự nhiên là một, là thường, khéo sinh muôn pháp. Lý hư thông đó gọi là thường đạo không thể nói, cùng với Luận kia có chút đồng nhau. Hư không cũng vậy, có một pháp riêng mà tất cả hữu tình đều do đó mà có. Ngã đó cũng vậy, có riêng một ngã hay sinh muôn pháp. Trước phá thật hữu, nay phá năng sinh, cho nên trước sau khác nhau có tác nhân đời trước chẳng phải một, cho nên Luận nói “vân vân”.

Luận: “Thường trụ thật có”, đến “đều đồng chỗ phá này”.

Thuật rằng: Từ đây trở lên, các pháp đều là một vật, là pháp thật thường trụ, đủ các công năng sinh ra tất cả pháp, tương tự với nghĩa của trời Đại tự tại. Hợp chung làm ví dụ để phá, nhưng vì không như Số Luận, Thắng Luận, có nhiều bộ loại rất thịnh riêng, không nêu ra tên

được, mỗi pháp đều phá riêng, nhưng so sánh với Du-già quyển 67, Luận Hiển Dương quyển 11, quyển 12, quyển 16, Đại Luận quyển trung và Luận Quảng Bách, mới có thể biết tên của ngoại đạo chấp này.

Từ đây trở xuống là phần thứ năm, hai thanh Luận sự hợp chung một chỗ để phá. Phần đầu nêu hai chấp, phần sau sửa đúng các lỗi.

Luận: “Có thiên chấp khác”, đến “nêu ra giải thích các pháp”.

Thuật rằng: Minh Luận nói âm thanh là thường, là chấp của Bà-la-môn. Minh Luận, trước kia gọi là Vi-đà Luận, nay gọi là Phệ-đà Luận. Phệ-đà nghĩa là Minh, vì nói các sự thật. Luận ấy chấp thanh của Luận này là năng thuyên để quyết định lượng các pháp biểu thuyên. Các pháp đều là lượng, cho nên là thường trụ, vì chỗ nói phải quấy đều quyết định, ngoài ra chẳng phải lượng cho nên chẳng phải thường. Nếu có đối với pháp nào để kêu gọi được thì phần nhiều là không thật, cho nên cũng gọi là chẳng phải thường. Phạm vương khen ngợi mà bản tánh có, nhưng tánh của âm thanh chẳng phải năng thuyên, trong chỗ phá ở sau, Luận ấy không có đồng dụ, bị lỗi bất định.

Luận: “Có chấp tất cả”, đến “mới có thuyên biểu”.

Thuật rằng: Đợi duyên hiển là thanh hiển, chờ duyên phát là thanh sinh. Phát nghĩa là sinh, thanh đều là thường, nhưng có khi nghe và có khi không nghe, vì chờ đủ duyên mới hiển phát. Ở đây có hai loại: một là chấp thường thanh, như Tát-bà-đa Vô vi, trên mỗi mỗi vật có một thường thanh. Do chỗ phát âm của tâm và từ mà hiển ra, âm hưởng này là vô thường; hai là chấp trên tất cả vật có chung một thường thanh, do chỗ phát âm của tâm và từ mà hiển bày ra, âm thanh cũng vô thường. Như Đại thừa Chân như thì muôn pháp cùng chung, chỉ có thường này là thanh năng thuyên, âm thanh đó chỉ là âm thanh do duyên hiển bày, chẳng phải thể năng thuyên, đây là chung với sự phá thanh hiển, thanh sinh, chấp nội chấp ngoại, toàn phần và một phần, như bài tựa Nhân Minh số, không kể ra sợ rườm rà. Nay phá chấp tất cả thì phần ít cũng tự phá, hoặc phần ít và tất cả đều thuộc về các chấp.

Luận: “Vì sao Luận kia đều phi lý?”

Thuật rằng: Phản đối lỗi của họ, họ trình bày trở lại.

Luận: “Hãy nói về Luận thanh”, đến “như âm thanh khác”.

Thuật rằng: Phá chấp ban đầu của Bà-la-môn, lượng rằng: “Nói về Luận thanh của ông, lẽ ra chẳng thường trụ, vì thừa nhận năng thuyên, như thanh sở thuyên”. Âm thanh khác tức là ngoài tất cả âm thanh của mình Luận ra, dùng để phá tánh của thanh không phải là năng thuyên cho nên không có lỗi bất định.

Luận: “Âm thanh khác lẽ ra cũng”, đến “vì đời nhiều duyên”.

Thuật rằng: Phá sư thứ hai. Đây nói “khác” có hai nghĩa:

1. Chấp khác, tức là chấp khác của mình Luận đã nói trước.
2. Âm thanh khác, trước chấp ít phần, nay chấp toàn bộ.

Lại, trước phá chấp của mình Luận thanh, nay phá thường thanh ngoài âm thanh kia, cho nên Luận nói “Âm thanh khác lẽ ra cũng là thanh thể phi thường, vì đời nhiều duyên, như bình chậu v.v... Nhưng chỗ chấp thanh tánh và thanh biệt kia, thanh tánh tức là thể của thanh mà nó phát âm hưởng, cho nên nay nói chung là thanh thể phi thường. Hoặc phá thanh tánh nói: “Thanh thể chẳng phải thường, thanh và tánh thanh hợp chung lại gọi là thanh thể”. Hoặc chỉ nói thanh là phi thường, kia lấy tánh thanh làm ví dụ chỗ phát âm là lỗi bất định. Hoặc nói chẳng phải thanh tức là trái với tự tông, cho nên chỉ nói chung là thanh thể phi thường. Lại phân biệt Chân như, tuy đời duyên hiển bày, vì thể là thanh phi thường. Nhân nói “đời nhiều duyên”, nếu nói đời duyên hiển bày, tức là thanh hiển thì thành mà tự sinh thì đều bất thành, hoặc nói đời duyên sinh, tức là tự sinh thì thành mà hiển thì hiển bất thành, là đối với hai tông tự không có lỗi, cho nên chỉ nói chung đời nhiều duyên. Hoặc nói đời nhiều duyên sinh hiển, văn rườm rà vô dụng, cho nên không nói đủ.

Từ đây trở xuống là phần thứ sáu phá ngoại đạo chấp thứ mười ba.

Luận: “Có ngoại đạo chấp”, đến “mà thể thật có”.

Thuật rằng: Trong đó có hai phần:

1. Trình bày chấp.
2. Phá chấp.

Đây là phần đầu, tức là chỗ chấp của ngoại đạo Thuận Thế. Ở đây chỉ chấp có thật cho rằng bốn đại sinh ra tất cả hữu tình, tất cả hữu tình dựa vào đây mà có, không còn có vật nào khác, khi chết thì trở về bốn đại, đó là chỗ chấp cha mẹ cực vi của Thắng Luận. Ở đây gồm phá, nhưng ở đây thì Thắng Luận lại thừa nhận có vật khác. Thuận Thế thì không phải như vậy, chấp thật, chấp thường, chấp năng sinh thô sắc, chấp những thứ này là nhân. Lại nữa Thắng Luận sư và Thế Luận này, chấp sắc của sở sinh không vượt ngoài nhân lượng. Lượng chỉ cùng với cha mẹ sở y vốn thừa nhận đại, như tử vi của phần thứ ba. Nếu một cha mẹ thừa nhận đại, cho đến đại địa cùng với sở y một gốc cha mẹ thừa nhận đại, cực vi này là thường, các tử vi là vô thường, cũng là thật có. Sắc là câu đứ, cực vi chẳng phải sắc, nay nói sắc, là lấy nghĩa của tự

tông mà nói pháp thể kia, chỉ có bốn thứ địa thủy hỏa phong có cực vi, những thứ còn lại thì không có cực vi, như sắc, thanh v.v...

Luận: “Vì sao chấp kia phi lý?”

Thuật rằng: Phần đầu Luận đã bác bỏ rằng họ không xứng lý, họ tiếp theo đó hỏi vặn lại “vì sao?”

Luận: “Chỗ chấp cực vi”, đến “thể lẽ ra chẳng phải thật”.

Thuật rằng: Dưới đây phá có ba đoạn:

1. Phá bốn đại năng sinh.
2. Phá thô sắc sở sinh.
3. Phá cả hai.

Phần đầu có ba lượng, một là vấn nạn có phương hướng chẳng phải thật. Cực vi của Thuận Thế và Vê Thế đều không có phương phần, chỉ có viên đức. Nhưng nay lập phá, nếu có phương phần thì lập lượng rằng: “Chỗ chấp thể của cực vi lẽ ra chẳng phải thật, vì có phương phần, như kiến bò v.v...”. Họ thừa nhận kiến bò có phương phần chẳng thật có, cho nên lấy làm thí dụ. Trong văn chẳng có thứ lớp, y theo lượng nên biết. Lại, lấy nghĩa Phật pháp có thể nghĩ ra phương phần thích hợp, “như kiến bò”, đây là phá thật. Tiếp theo phần thứ hai là vặn hỏi không có phân thì không có sinh.

Luận: “Hoặc không có phương phần”, đến “sinh thô quả sắc”.

Thuật rằng: “Lại, cái chấp căn bản của ông là không có phương phần. Lượng rằng: Chỗ chấp cực vi lẽ ra không cùng tụ hợp sinh thô quả sắc, vì không có phương phần, như tâm, tâm sở”. Pháp tâm và tâm sở cũng không cùng nhóm hợp chung, sinh ra thô quả sắc, cho nên lấy làm thí dụ. Đây là vặn hỏi hữu phần và vô phần. Tiếp theo là phần thứ ba vặn hỏi năng sinh chẳng phải thường.

Luận: “Đã có thể sinh quả”, đến “cực vi thường trụ”.

Thuật rằng: “Cực vi của ông lẽ ra chẳng phải thường trụ, vì thừa nhận là quả năng sinh, như quả sở sinh”. Quả tức là tử vi v.v...

Từ trên đến đây, phần đầu vặn hỏi có phương phần, cha mẹ thật có, kể đó vặn hỏi không có phương phần, năng sinh thô sắc, sau cùng là vặn hỏi quả năng sinh, cha mẹ là thường, phá chung cha mẹ năng sinh vốn là cực vi rốt ráo. Dưới đây là phá quả sở sinh, trong đó có hai, vô thường là cực thành cho nên không phá. Kế sau phần thứ nhất vặn hỏi quả sở sinh, không thô đối với nhân lượng, xuống dưới nữa, văn nói đã do nhiều phần làm thành lẽ ra chẳng thật có, phương thứ hai là câu hỏi quả thật có.

Trong phần đầu có bốn loại:

1. Hợp chung phá thuận thế và Thắng Luận gốc chấp quả lượng đồng một nhân vi.
2. Lượng đức hợp trở xuống, chỉ phá Vệ Thế chống chế thô đức hợp.
3. Hợp chung phá chấp chống chế nghĩa nhân tự tại khắp của Thuận Thế và Vệ Thế.
4. Hợp chung phá chống chế thô do đa phần hợp cho nên thành thô của Thuận Thế và Vệ Thế.

Luận: “Lại nữa, quả sở sinh”, đến “không gọi là thô sắc”.

Thuật rằng: Trong đây lượng rằng: “Quả và sắc của sở sinh không gọi là thô, vì bằng với cực vi gốc, như cực vi gốc”. Lại, phải hỏi vặn lại cực vi lẽ ra là thô. Lượng rằng: “Sở chấp cực vi lẽ ra không gọi là tế, vì bằng với thô lượng, như thô quả sắc”. Lại nữa, Luận kia chấp địa là chỗ sinh quả thô, nhân căn v.v... là chỗ chấp lấy của sắc căn. Cha mẹ cực vi chẳng phải chỗ thủ lấy của sắc căn, vì cực vi tế, chẳng phải chỗ thủ lấy của sắc căn.

Luận: “Cho nên quả sắc này”, đến “trái với chỗ chấp của tự mình”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phá thô quả sắc lẽ ra chẳng phải sắc căn thủ. Lượng rằng: “Chỗ chấp thật thô sắc lẽ ra chẳng phải chỗ đắc của sắc căn, vì bằng với cực vi lượng, cũng như cực vi”. Hoặc không nói chỗ đắc của thật sắc căn, tức là trái với chỗ chấp của mình, vì chỗ chấp của chính mình là thừa nhận sắc căn đắc các quả thô sắc.

Luận: “Hoặc nói quả sắc”, đến “sắc căn là năng thủ”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai, chỉ có chấp của Thắng Luận sư, kia chuyển sang chấp rằng: “Chỗ sinh quả sắc hợp với lượng đức”, tức là lượng đức trong câu đức có năm, là vi lượng, đại lượng, có lượng đức hợp, cho nên tuy cùng với các cực vi lượng chẳng phải thô, mà giống như thô sắc căn năng thủ, vì gốc cực vi chẳng phải hợp với thô đức.

Luận: “Chỗ chấp quả sắc”, đến “không hợp với thô đức”.

Thuật rằng: Hợp chung làm lượng rằng: “Quả sở sinh sắc này, lẽ ra không hợp với thô đức, vì bằng với lượng của thể cực vi gốc, như cực vi gốc”. Tiếp theo vặn hỏi lại nữa.

Luận: “Hoặc lẽ ra cực vi”, đến “xứ không khác”.

Thuật rằng: Trong đây lượng rằng: “Hoặc lẽ ra bản cực vi có thô hợp với lượng đức, vì chẳng khác với thô quả sắc xứ, như quả thô sắc. Vì lượng đã bằng, tức là một chỗ trụ quan hệ nhập vào thể tướng gọi là

xứ không khác. Trong văn không có nhân khác, ý nói tương nhập, tương nhập là nghĩa tử vi của lượng. Tử vi nay lấy lượng vô biệt làm nhân, để hiển cha mẹ cũng được, cha mẹ lấy xứ không khác làm nhân để hiển tử vi cũng được, hiển bày bóng dáng lẫn nhau.

Luận: “Hoặc nói là quả sắc”, đến “có thể gọi là thô”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là đoạn nhỏ thứ ba, hợp chung phá hai sư Thắng Luận và Thuận Thế. Câu nói chống chế của họ, trước nói quả sắc bằng với nhân lượng, cái nào là quả của một sắc sinh ra thì chỉ bằng với một lượng cực vi. Nay gọi “cái bằng với”, tức là giống như cha mẹ cực vi ở khắp trong hai nhân, nhân đã có hai thì quả bằng với nó, cho nên có thể gọi là thô.

Luận: “Là quả sắc này”, đến “xứ đều khác”.

Thuật rằng: Đây là chánh thuật lại câu hỏi. “Chỗ sinh một quả sắc của cực vi, lẽ ra thể chẳng phải một, vì như chỗ trụ nhân cha mẹ cực vi mỗi xứ đều khác, như cha mẹ cực vi”, đây chỉ nên nói như hai cực vi lượng, vì ba nhân của vi quả chẳng phải cực vi, chỉ có thể tương chung tức nhau, như nhân lượng. Lại nữa trong văn thiếu, đây là có ý muốn hiển bày một tử vi ở trong hai cực vi của cha mẹ, tức là ở tại đây, chẳng phải ở tại kia, cái ở kia thì chẳng phải đây, như ở chỗ của nhân mỗi xứ đều khác. Lượng rằng: Chỗ sinh của sắc quả, thể lẽ ra chẳng phải một, cái ở đông này thì chẳng phải ở tây, vì mỗi xứ đều khác, như ở chỗ nhân và cha mẹ cực vi.

Luận: “Đã thế thì quả này”, đến “chỗ thủ của sắc căn”.

Thuật rằng: Tử vi đã là hai, như ca viên mãn cực vi lại không thành thô, vì thô sắc này như cha mẹ cực vi, cũng chẳng phải chỗ thủ của sắc căn. Hai lượng trong đây như thứ lớp ở trước nói.

Luận: Nếu quả phần nhiều cho đến đâu cần quả làm gì.

Thuật rằng: Xuống đoạn nhỏ thứ tư, hợp chung phá nghĩa chống chế. Như họ bị vặn hỏi, lập ra lời chống chế: “Khi quả sắc mỗi mỗi phân nhỏ ra, tức là chẳng phải thô, vì nhiều quả sắc hợp lại cho nên thành thô”. Nay vặn hỏi đó rằng: “Tức là khi nhiều nhân cực vi của cha mẹ hợp lại, đủ được thành thô và đủ thành cùng với sắc căn làm cảnh thì còn dùng thêm bốn quả sắc để làm gì?” Họ chấp cha mẹ cực vi nhiều tuy phù hợp, nhưng vẫn không thành thô, quả sắc thì không như vậy, hợp thì liền thô. Nay lập lượng rằng: “Nhiều cha mẹ cực vi hợp lại lẽ ra không thành tế, vì lượng bằng với quả thô, như thô quả sắc, quả sắc nhiều hợp lại lẽ ra không thành thô, vì lượng bằng với cực vi, như cha mẹ cực vi”. Họ nói cha mẹ cực vi nếu khi hòa hợp thì cũng chẳng phải cảnh

của căn, thô sắc hợp nhau thì liền thành cảnh của căn. Nay vì khiến cho cha mẹ cực vi hợp thành cảnh của căn, lời nói đủ để thành căn cảnh, lại cũng lập lượng rằng: “Nhiều cực vi hợp lại lẽ ra cũng thành thô, vì thừa nhận nhiều thứ hợp lại, như thô quả sắc”. Vì họ thừa nhận nhiều cực vi tuy hợp lại nhưng không thành thô. “Nhiều cực vi hợp lại lẽ ra thành căn cảnh, vì thừa nhận nhiều thứ hợp lại, như thô quả sắc”.

Luận: “Đã nhiều phần làm thành”, đến “trước sau trái nhau”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ hai phá thể của quả sở sinh là thật có. Quả tức là nhiều phần làm thành thô, lẽ ra không phải thật có, vì nhiều làm thành, như quân và rừng v.v... Lại, chỗ chấp của ông trước sau trái nhau. Trước nói tử vi của quả sắc một vật tuy thô, nhưng lượng vẫn bằng với vi của một nhân kia. Đã bị vặn hỏi lượng đức hợp. Lại nữa, chuyển nói lượng bằng hai nhân vi cho đến nói rằng cái thô mà nhiều phần làm thành vốn chẳng phải một vật. Lại, nhiều phần làm thành gọi là thật có, tức là sự chuyển chấp trước sau trái nhau.

Luận: “Lại, quả và nhân”, đến “như hai cực vi”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là đoạn văn lớn thứ ba, phá chung cha mẹ cực vi và con cực vi. Lại nữa, thô quả sắc và nhân cực vi cùng có chất ngại, lẽ ra cũng không được đồng trụ một xứ, như hai cực vi. Hai cực vi có ngại, tức là không được đồng xứ. Hai sắc của nhân và quả cùng có ngại mà vì sao được đồng xứ? Đồng xứ tức là nghĩa quan hệ nhập vào lẫn nhau, là nói quả sở sinh sắc quan hệ nhập vào nhân cực vi, cho nên có chỗ phá này. Từ trên đến đây ý như vậy, trong đó tỷ lượng tuy chẳng phải thứ lớp, như trong văn có đủ. Lượng rằng: “Thô quả và nhân cha mẹ cực vi lẽ ra không đồng xứ, vì thừa nhận có chất ngại, như hai cực vi”.

Luận: “Hoặc nói quả và nhân”, đến “thuốc đổ vào khuôn đồng”.

Thuật rằng: Hoặc họ chống chế rằng: “Nhân quả thọ nhập nhau, như một hạt cát thấm vào nước, thuốc Du thạch thấm vào khuôn đồng, cát được nước mà không thêm, chất đồng được thuốc mà không dài thêm, tức là nước vào trong bụng cát, thuốc thấm vào đồng, nhân cực vi đắc quả sắc, nhân không thêm lớn, như cát thấm vào nước, cho nên không có trái nghịch”. Đó là đoạn văn chấp của họ.

Luận: “Ai thừa nhận cát và đồng” đến “chẳng phải một chẳng phải thường”.

Thuật rằng: Nay phá đó rằng: “Ai thừa nhận thể của cát và đồng thấm vào nước và thuốc?” Đây là không thừa nhận thể của cát thấm vào nước, chỉ có thể thấm vào giữa hai hạt cát, không thấm vào trong

thể của một hạt cát, lẽ ra cũng quả sắc nhập vào chỗ trống giữa hai cực vi, mà không thể nhập vào trong thể của một cực vi. Rằng thuốc thấm vào chất đồng cũng giống như vậy, tức là thuốc Du thạch chế tạo vàng, nghĩa là chất thuốc ở yên trong chất đồng, khi biến thành đồng thì thuốc chỉ thấm vào kẽ trống mà không thấm vào cực vi. Như vậy nghĩa của tông này, ở đây đã hiển bày nghĩa bất nhập. Dưới đây đem tông ra vặn hỏi. Hoặc quả sắc nhập vào nhân cực vi, như cát thấm nước mà rời, là nước thấm vào trong cát thì hai hạt cát rời xa nhau, chẳng phải nước vi tế thấm vào trong cát.

1. Lượng rằng: “Tông của ông nói nước thấm vào cát, lẽ ra lia chẳng phải một, vì thừa nhận nước thấm vào cát, như ở giữa hai hạt cát”.

2. Hoặc nói tử vi nhập vào trong bụng của cha mẹ cực vi, lẽ ra cũng lia mà chẳng phải một, vì thừa nhận nhập vào trong, như nước vào cát.

Lại, hai cực vi xúc chạm nhau, nếu thể là thô vật kích chạm lẫn nhau thì không thấm nhập nhau mà lại lia tan ra. Ông nói quả sắc nhập vào trong nhân cực vi là thế nào? Thể của nhân cực vi lẽ ra lia tan, vì làm chỗ xúc của quả vi, như vật thô chạm nhau. Lại, như thuốc đổ vào khuôn đồng, thấm vào kẽ trống, hai cực vi không tương nhập vào nhau, tuy ở giữa kẽ trống, thuốc khiến cho đồng biến thành vàng. Lượng rằng: “Nếu thừa nhận quả sắc thấm vào khoảng trống trong nhân cực vi, lẽ ra cũng biến đổi nhân cực vi kia khác với lúc trước, vì thừa nhận nhập và trong bụng của cực vi, như thuốc biến thành đồng, cho nên Luận nói lẽ ra lia biến, nước thấm vào cát mà lia, hoặc kích chạm nhau mà lia, thuốc thấm vào mà biến đổi, cát lia tan cho nên chẳng phải một, thuốc biến đổi cho nên chẳng phải thường. Cực vi của ông lẽ ra cũng như vậy, chẳng phải một chẳng phải thường, như đồng và cát v.v...”

Luận: “Lại, thô quả sắc”, đến “lẽ ra nó cũng vậy”.

Thuật rằng: Trong đây Luận Nhị Thập nói: “Một lẽ ra không có thứ lớp hàng lối, cùng lúc đến, hoặc chưa đến, và có nhiều sự trung gian. Hợp chung các vặn hỏi lại để thấy các vật vi tế, phá chấp của Vệ Thế, nay cũng đồng như vậy, quả sắc là một. Nếu khi được một xứ một phần thì lẽ ra tất cả xứ và tất cả phần cũng đều được, vì kia đây là một, kia lẽ ra như đây”. Luận tuy là tỷ lượng, chỉ nêu ra một bên, nhưng cũng phải nói “Đây lẽ ra như kia”. Đại thừa dùng lý, không có thật một vật, cho đến một cực vi cũng không có thật một, vì là giả lập, không có lối bất định. Nay phá một có thật.

Luận: “Không thừa nhận trái lý”, đến “luống đối so lường”.

Thuật rằng: Không thừa nhận trái lý, là nói hoặc không thừa nhận được đây thì tức là được kia, vậy là trái với tỷ lượng lý của họ đây là một, hoặc thừa nhận các việc trái với thế gian, tiến tới cũng tùy tự tông mà đắc, trái với sự bất thành, thoái lui cũng tùy theo chỗ khác mà bất đắc trái lý bất thành, đây là quy kết gần. Nếu quy kết xa thì tiến tới từ nơi vật khác liền trái với tự giáo, thoái lui thì tùy theo tự giáo, có lỗi trái lý, cho nên đó là chỗ chấp tiến lùi bất thành. Nhưng chỗ so lường của vọng tình thì quy kết về Duy thức.

Luận: “Nhưng các ngoại đạo”, đến “không gì hơn bốn loại”.

Thuật rằng: Trong sự phá ngoại đạo, từ trên đến đây đã phá xong mười ba pháp ngoại đạo.

Từ đây trở xuống là phần thứ hai là nhiếp chung làm bốn loại, trong đó có hai phần. Phần đầu là chung, phần sau là riêng. Phần chung này đã nêu ra xong.

Luận: “Một chấp hữu pháp”, đến “như Số Luận”.

Thuật rằng: Đây là trong tự bộ của Tăng-khư chia ra làm mười tám bộ, cho nên nay nói về phi nhất của Số Luận, hoặc của các ngoại đạo khác. Họ nói: “Trong chỗ chấp đại hữu và đồng khác của Thắng Luận, trong tự tông của ta không lìa pháp hữu thể mà có riêng hai tánh này. Hai tánh tức là pháp thể, pháp thể cùng với đây là một. Có đẳng tánh, là bằng với đồng dị tánh, không nói đồng dị mà nói đẳng tánh, để nói hữu là tánh của họ. Lại nữa, bằng với đồng khác, là để nói giống nhau và khác nhau, vì là pháp tánh cho nên phá riêng.

Luận: “Chấp kia phi lý”, đến “thể không có khác nhau”.

Thuật rằng: Đây là phản đối lại họ, phần thứ nhất trái với tỷ lượng, không có tất cả pháp tức là hữu tánh, đều giống như hữu tánh là một không khác. “Ông đã chấp pháp hữu thể tức là hữu tánh, nhưng pháp hữu thể có nghĩa không thù thắng, vì đều là hữu”, cho nên pháp hữu thể lẽ ra không có sai biệt. Bây giờ, lập lượng rằng: “Duy lượng của ông lẽ ra không có khác nhau, vì tức là hữu tánh, như các pháp phi vô”. Các pháp phi vô tức là hữu tánh, hữu tánh thì không có khác nhau, hữu tánh đó đã không khác nhau thì pháp lẽ ra cũng như vậy, cho nên lấy làm dụ.

Luận: “Liên trái với ba đức”, đến “các pháp khác nhau”.

Thuật rằng: Đây là trái với tự giáo và trái với thế gian. “Tông của ông hai mươi ba Đế, tự vọng tuy chẳng khác, vì thể tức là tự tánh, nhưng thừa nhận ba đức và bốn pháp của ngã có khác nhau, cho nên trong

Luận nói ba đức và ngã. Lại nữa, ba đức và bốn pháp ngã của ông, đều lẽ ra không có khác nhau, vì tức là hữu tánh, như hai mươi ba Đế”. Thể của hai mươi ba Đế không có khác nhau, nếu nói tất cả pháp đều không có khác nhau thì lẽ nào không tự trái với ý của tông. Lại, ngã là bằng với thể tướng sai biệt của hai mươi ba Đế, cũng trái với thể gian hiện thấy, có thể biết. Đây là phá đại hữu, tức là có ba chi trái nhau: một là tỷ lượng, hai là tự tông, ba là thế gian. Tiếp theo vặn hỏi tánh đồng dị.

Luận: “Lại nữa, hoặc sắc”, đến “xanh vàng khác nhau”.

Thuật rằng: Chỉ nói tánh của sắc, tức là tất cả sắc không có khác nhau. Tất cả sắc pháp đều có biến ngại, vì làm tánh của sắc, mọi người cùng thừa nhận. Nay lập lượng rằng: “Sắc của xanh vàng này, lẽ ra không khác nhau, vì là tánh của sắc, như sắc tánh”. Tất cả sắc của sắc tánh là một, các sắc đều là sắc tánh, cho nên lấy làm dụ. Hỏi phá tất cả pháp tức là đại hữu và đồng dị: Nay Phật pháp lẽ nào lia pháp mà có riêng đại hữu?

Đáp: Tôi chỉ phá điều sai của ông, chẳng phải tôi tức là quyết định.

Luận: “Hai chấp hữu pháp”, đến “như Thắng Luận”.

Thuật rằng: Tự bộ của Thắng Luận cũng có mười tám bộ, cho nên nói “vân vân”. Chấp đã trình bày ở trước.

Luận: “Chấp kia phi lý”, đến “thể không thật có”.

Thuật rằng: Đây là phá chung: “Ngoài đại hữu của ông ra thì thể của tất cả pháp lẽ ra không thật có, vì chẳng phải hữu tánh, như đã diệt thì không có”, tức là nêu ra một trong năm vô.

Luận: “Liên trái với thật”, đến “hiện thấy có vật”.

Thuật rằng: Hoặc thể không thật có, liên trái với thật tự chấp là có, trái với tông, cũng trái với thế gian hiện thấy có vật. Ba lỗi như trước. Đây là phá đại hữu của đại cực vi, kể là vặn hỏi đồng khác.

Luận: “Lại, nếu sắc”, đến “chẳng phải cảnh của nhãn v.v...”.

Thuật rằng: Vặn hỏi sắc hoặc phi sắc tánh, lẽ ra như thanh, chẳng phải cảnh của nhãn. Lượng nói: “Sắc của ông lẽ ra chẳng phải cảnh của nhãn, vì phi sắc tánh, như âm thanh kia”, chữ sắc đặng trong đây là đồng lấy tự sở y của ba đại và cảnh khác của nhãn, e rằng có lỗi bất định. Lại, sự khởi tạo các pháp lẫn nhau, bình đẳng với tất cả pháp, cho nên sau đó nói “vân vân”.

Hỏi hoặc nạn, sắc chẳng phải cảnh của nhãn, há không có lỗi trái với tự tông, thế gian và hiện lượng hay sao?

Đáp: Chỗ chấp sắc của họ chung với thường và vô thường, là thu

nhập trong câu đức vô ngại. Phật pháp không thừa nhận hữu pháp, tức là nói: “Sắc mà ông chấp, vì khác với tông đó, cho nên không có lỗi trái với giáo, hiện lượng v.v...”.

Luận: “Ba thứ chấp hữu pháp”, đến “như vô tà m”.

Thuật rằng: Tức là Ni-kiên tử, nay dịch đúng là Ly hệ, cũng gọi là Vô tà m, tức là không có hổ thẹn. Là sự trói buộc trong ba cõi, vì nhóm người này lỏa thể, Phật pháp chê trách gọi họ là Vô tà m, tức là không biết hổ thẹn. Nói vì “các” là chẳng phải một, cho nên sau đó nói “vân vân”. Cái hữu của nó như cộng tướng, thể của tất cả pháp chẳng phải không, vì thể đều đồng. Pháp như tướng riêng, vì tướng trạng khác nhau, như cộng cho nên chẳng phải một, tức là pháp thể riêng cho nên chẳng phải khác, chẳng phải chấp riêng có đại hữu mà nói “cũng nói rằng”. Đồng dị tánh cũng vậy, vì tất cả sắc đồng với một, đồng với khác. Đây là tiêu biểu cho đồng thời thành, sự thứ tư ngăn che, tức là trái với thuyết này, vì nghĩa cũng đồng.

Luận: “Chấp kia phi lý”, đến “lỗi một khác”.

Thuật rằng: Một đồng là lỗi đầu tiên, khác đồng là lỗi thứ hai.

Luận: “Hai tướng trái nhau”, đến “vì đều bất thành”.

Thuật rằng: Một và khác đã trái nhau, như thể của khổ vui khác nhau, thể của một khác lẽ ra khác nhau, vì cả hai trái nhau, như khổ với vui. Thể của một và khác đều bất thành, một và khác không nên đồng thể, vì trái nhau, như khổ và vui. Một tức là chẳng phải một, vì thể tức là khác, như khác, khác tức là chẳng khác, vì thể tức là một, như một. Nói “đều bất thành” vì hai pháp một và khác đều bất thành.

Luận: “Không có tất cả pháp đều đồng một thể”.

Thuật rằng: Tất cả pháp của ông lẽ ra đều đồng thể, vì thừa nhận pháp trái nhau được đồng thể, như sự trái nhau của một và khác, một và khác trái nhau thừa nhận đồng thể, tất cả pháp trở thành một thể.

Luận: “Hoặc lẽ ra một khác”, đến “lý quyết định không như vậy”.

Thuật rằng: Vì là một cho nên tất cả pháp đồng thể, vì là khác cho nên thể của các pháp khác nhau, như khúc gỗ làm thành người hoặc trâu thì nói là người là trâu, là giả chẳng phải thật, nhưng nói theo nghĩa. Trong đây lượng rằng: “Một khác của ông lẽ ra giả chẳng phải thật, vì pháp cùng một chỗ mà hai tướng trái nhau, như người và trâu”.

Luận: “Bốn chấp hữu pháp”, đến “như tà mạng v.v...”.

Thuật rằng: Như tà mạng tức là ngoại đạo A-thời-phước-ca, lẽ ra gọi là chánh mạng, Phật pháp chê trách, nên gọi là tà mạng, tà hoạt

mạng, ngoại đạo này chấp chẳng phải một, cho nên cũng nói “vân vân”.

Luận: “Chấp kia phi lý”, đến “đồng khác là một”.

Thuật rằng: Hoặc nói rằng chẳng phải một, đồng với lỗi khác ở trước. Hoặc nói chẳng phải khác thì đồng với lỗi một ở trước. Luận kia hoặc nói không cần nói riêng hoặc chẳng phải một thì đồng với chỗ phá dị ở trước, nói riêng hoặc chẳng phải khác thì đồng với chỗ phá nhất ở trước, lẽ ra đồng thời nói chẳng phải một chẳng phải khác.

Luận: “Câu nói chẳng phải một chẳng phải khác để ngăn che hay để tiêu biểu?”

Thuật rằng: Đây là hỏi quyết định.

Luận: “Nếu chỉ là để tiêu biểu thì không phải cả hai đều chẳng phải”.

Thuật rằng: Cả hai đều chẳng phải là chẳng phải để tiêu biểu, cho nên nếu nói rằng gái đá không có con trai không có con gái, nói cả hai đều không có, cho nên không có chỗ tiêu biểu.

Luận: “Hoặc chỉ là để ngăn che thì lẽ ra không có sở chấp”.

Thuật rằng: Lượng rằng: “Ông lẽ ra không có chỗ chấp, vì chỉ ngăn người khác, như gái đá không có con trai không có con gái. Pháp mà ông chấp tức là chỗ tiêu biểu, vì sao nói ngăn đều không có chỗ tiêu biểu? Vì không có chỗ tiêu biểu cho nên không có chỗ chấp, không có chỗ chấp thì làm sao có chỗ đua tranh?”

Luận: “Vừa ngăn vừa tiêu biểu, lẽ ra trái nhau”.

Thuật rằng: Hoặc khi ngăn che thì không có tiêu biểu, hoặc khi tiêu biểu thì không có ngăn che, hai tướng này trái nhau, vì sao nói một? Sự tiêu biểu và ngăn che của ông chẳng phải một thể, vì tướng trái nhau, như nước với lửa. Lại, ở đây nói tiêu biểu tức là đồng với phần thứ nhất, hoặc nói ngăn che thì đồng với phần thứ hai.

Luận: “Chẳng phải tiêu biểu chẳng phải ngăn che, lẽ ra trở thành hý Luận”.

Thuật rằng: Chỗ nào gọi là mắt? Chỉ là hý Luận, đều không có chỗ thành.

Luận: “Lại, chẳng phải một, chẳng phải khác”, đến “quyết định thật có”.

Thuật rằng: Là trái với thế gian có vật một khác. Nói rằng xanh là một, cùng với vàng là khác, vì cả hai đều chẳng phải, tức là không có pháp, lại trái với hữu pháp như sắc v.v... quyết định thật có của tự tông. Một khác trái nhau chẳng thật có. Vì sao chẳng phải một khác? Lẽ nào

sắc và sắc chẳng phải một, cùng với thanh v.v... là chẳng khác.

Luận: “Do đó họ nói”, đến “chớ chấp nhận lầm”.

Thuật rằng: Tổng kết các lỗi, ở đây chỉ có lỗi đối trá, lánh né cầu thả. Các bậc có trí chớ nhận lầm cho là lý đúng.

